



Vở bài tập

KHOA HỌC

4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chú biên) LƯƠNG VIỆT THÁI

Vở bài tập KHOA HỌC 4

(Tái bản lần thứ sáu, có chỉnh lí và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

01-2011/CXB/714-1235/GD

Mã số : 1B41-PT1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP KHOA HỌC 4

1. Các bài tập trong *Vở bài tập Khoa học 4* nhằm giúp học sinh thực hiện các hoạt động học tập độc lập và đa dạng ; rèn luyện cho học sinh các kĩ năng học tập, thực hành, củng cố và khắc sâu kiến thức.
2. Các dạng bài tập chủ yếu :
 - * Trắc nghiệm đúng / sai : "Đánh dấu × hoặc viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai" hoặc "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng".
 - * Trắc nghiệm nhiều lựa chọn : "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng" hoặc "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất".
 - * Trắc nghiệm ghép đôi : "Nối các nội dung ở cột A với các nội dung ở cột B cho phù hợp" hoặc "Nối hình vẽ với ô chữ cho phù hợp".
 - * Trắc nghiệm điền khuyết : "Viết vào chỗ ... những từ hoặc câu phù hợp".
 - * Vẽ.
 - * Trả lời câu hỏi.

Con người và sức khỏe

Bài 1. CON NGƯỜI CẦN GÌ ĐỂ SỐNG ?

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Những yếu tố nào dưới đây cần cho sự sống của con người, động vật và thực vật ?

- a) Tình cảm gia đình, bạn bè, làng xóm.
- b) Nhà ở, các đồ dùng trong nhà ; đường giao thông và các phương tiện giao thông.
- c) Không khí, nước, thức ăn, ánh sáng, nhiệt độ thích hợp.
- d) Trường học, bệnh viện, các cơ sở vui chơi, giải trí.

2. Nối các nội dung ở cột A với nội dung ở cột B cho phù hợp.

A

B

1. Con người không thể sống thiếu ô-xi

a. 28 - 30 ngày

2. Con người không thể nhịn uống nước

b. 3 - 4 phút

3. Con người không thể nhịn ăn

c. 3 - 4 ngày

3. Hơn hẳn những sinh vật khác, cuộc sống của con người cần những gì ?

.....
.....

Bài 2.

TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI

1. Viết vào chỗ ... những từ phù hợp với các câu sau :

a) Trong quá trình sống, con người lấy
..... từ và thải ra
..... những chất
Quá trình đó gọi là quá trình

b) Con người, động vật và thực vật có với
..... thì mới sống được.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Hằng ngày, cơ thể người phải lấy những gì từ môi trường và thải vào môi trường những gì ?

a) Lấy thức ăn và thải ra phân.

b) Lấy nước uống và thải ra nước tiểu, mồ hôi.

c) Lấy ô-xi và thải ra khí các-bô-níc.

d) Thực hiện tất cả những việc trên.

3. Viết hoặc vẽ sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

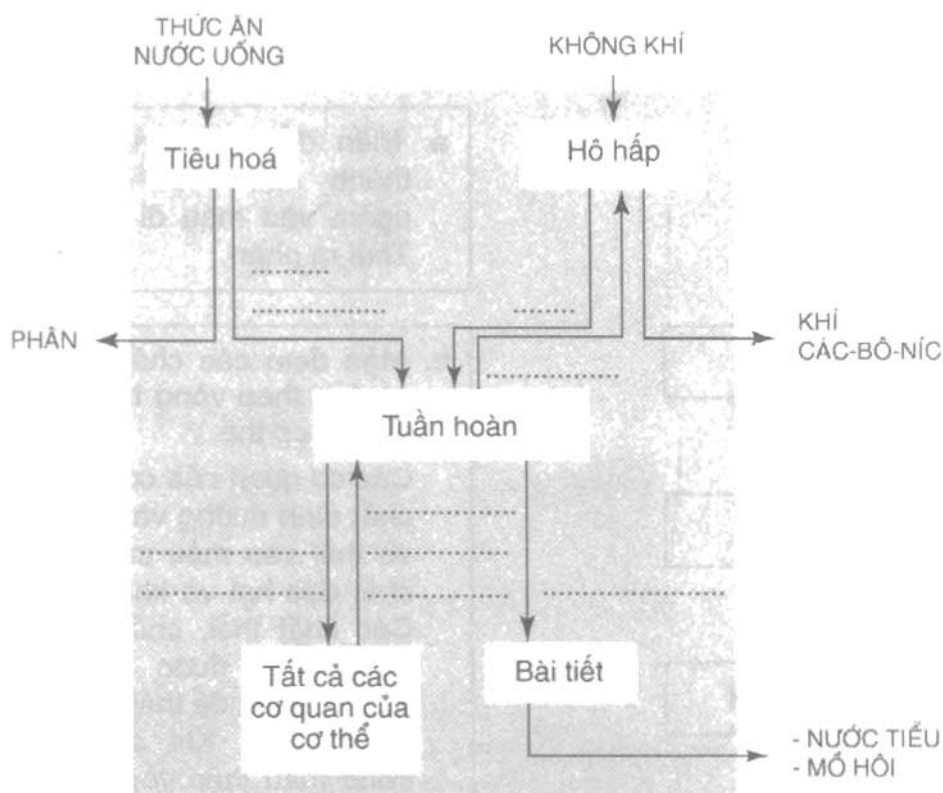
Bài 3. TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI (tiếp theo)

1. Nối các nội dung ở cột A với các nội dung ở cột B cho phù hợp.

A	B
Cơ quan	Chức năng
1. Bài tiết	a. Biến đổi thức ăn, nước uống thành các chất dinh dưỡng, ngấm vào máu để nuôi cơ thể. Thải ra phân.
2. Hô hấp	b. Máu đem các chất dinh dưỡng và ô-xi theo vòng tuần hoàn lớn đi nuôi cơ thể. Các cơ quan của cơ thể sử dụng chất dinh dưỡng và ô-xi để sống và thải vào máu các chất thừa, chất độc hại và khí các-bô-níc ; Các chất thải, chất độc hại có trong máu được đưa đến cơ quan bài tiết để thải ra ngoài qua nước tiểu ; Khí các-bô-níc có trong máu theo vòng tuần hoàn nhỏ đi đến phổi để thải ra ngoài.
3. Tiêu hoá	c. Hấp thu khí ô-xi và thải ra khí các-bô-níc.
4. Tuần hoàn	d. Lọc máu, lấy ra các chất thải, chất độc hại, tạo thành nước tiểu và thải nước tiểu ra ngoài.

2. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho thích hợp trong sơ đồ dưới đây :

ô-xi ; khí các-bô-níc ; chất dinh dưỡng ; các chất thải ; ô-xi và các chất dinh dưỡng ; khí các-bô-níc và các chất thải



3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Những cơ quan nào trực tiếp thực hiện quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường bên ngoài?

a) Vận động, hô hấp, tiêu hoá.

b) Tuần hoàn, bài tiết, tiêu hoá.

c) Vận động, tuần hoàn, hô hấp.

d) Tiêu hoá, hô hấp, bài tiết.

3.2. Cơ quan nào thực hiện quá trình trao đổi chất ở bên trong cơ thể ?

a) Tiêu hoá.

b) Tuần hoàn.

c) Hô hấp.

d) Bài tiết.

Bài 4. CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ TRONG THỨC ĂN. VAI TRÒ CỦA CHẤT BỘT ĐƯỜNG

1. Đánh dấu × vào cột phù hợp với nguồn gốc của thức ăn, đồ uống có trong bảng dưới đây :

Tên thức ăn, đồ uống	Nguồn gốc thực vật	Nguồn gốc động vật
Rau cải		
Đậu cô-ve		
Bí đao		
Lạc (đậu phộng)		
Thịt gà		
Sữa		
Nước cam		
Cá		
Cơm		
Thịt lợn (thịt heo)		
Tôm		

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Trong thức ăn có chứa những nhóm chất dinh dưỡng nào ?

- a) Chất bột đường.
- b) Chất đạm.
- c) Chất béo.
- d) Vi-ta-min và chất khoáng.
- e) Tất cả 4 nhóm chất trên.

3. Đánh dấu × vào cột tương ứng với những thức ăn chứa nhiều chất bột đường trong bảng dưới đây :

Tên thức ăn	Chứa nhiều chất bột đường
Gạo	
Thịt lợn	
Sắn	
Ngô	
Cá	
Tôm	
Bánh mì	
Chuối	

Tên thức ăn	Chứa nhiều chất bột đường
Khoai lang	
Bí đao	
Khoai tây	
Lạc	
Mì sợi	
Thịt gà	
Rau cải	

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

4.1. Các thức ăn chứa nhiều chất bột đường đều có nguồn gốc từ :

- a) Động vật.
- b) Thực vật.
- c) Động vật và thực vật.

4.2. Vai trò của chất bột đường :

- a) Xây dựng và đổi mới cơ thể.
- b) Cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ của cơ thể.
- c) Tham gia vào việc xây dựng cơ thể, tạo ra các men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống.
- d) Giúp cơ thể phòng chống bệnh.

Bài 5. VAI TRÒ CỦA CHẤT ĐẠM VÀ CHẤT BÉO

1. Đánh dấu × vào cột tương ứng với những thức ăn chứa nhiều chất đạm hoặc chất béo.

Tên thức ăn, đồ uống	Chứa nhiều chất đạm	Chứa nhiều chất béo
Đậu nành (đậu tương)		
Thịt lợn		
Mỡ lợn (mỡ heo)		
Trứng		
Thịt vịt		
Lạc		
Cá		
Đậu phụ (đậu hũ)		
Dầu thực vật		
Vừng (mè)		
Tôm		
Thịt bò		
Dừa		
Đậu Hà Lan		
Cua		
Ốc		

2. Nối tên các thức ăn chứa nhiều chất đạm ở cột A với nguồn gốc của thức ăn đó ở cột B cho phù hợp.

A	B
Thức ăn	Nguồn gốc
1. Thịt	
2. Đậu phụ	a. Thực vật
3. Cá, tôm	b. Động vật
4. Sữa đậu nành	
5. Trứng	

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Vai trò của chất đạm :

- a) Xây dựng và đổi mới cơ thể.
- b) Không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá.
- c) Giúp cơ thể phòng chống bệnh.
- d) Cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ của cơ thể.

3.2. Vai trò của chất béo :

- a) Giúp cơ thể phòng chống bệnh.
- b) Không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá.
- c) Tham gia vào việc xây dựng cơ thể, tạo ra các men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống.
- d) Giàu năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ một số vi-ta-min (A, D, E, K).

Bài 6.**VAI TRÒ CỦA VI-TA-MIN,
CHẤT KHOÁNG VÀ CHẤT XƠ**

1. Đánh dấu × vào cột tương ứng với những thức ăn chứa nhiều vi-ta-min, chất khoáng, chất xơ, có nguồn gốc thực vật hay động vật (theo mẫu).

Tên thức ăn	Chứa vi-ta-min	Chứa chất khoáng	Chứa chất xơ	Có nguồn gốc thực vật	Có nguồn gốc động vật
Sữa	×	×			×
Trứng					
Cà rốt					
Cải bắp					
Gạo					
Thịt lợn					
Chuối					
Cà chua					
Cam					
Rau cải					
Thanh long					
Khế					
Cá					
Cua					
Rau muống					
Rau dền					
Rau ngót					
Xà lách					

Tên thức ăn	Chứa vi-ta-min	Chứa chất khoáng	Chứa chất xơ	Có nguồn gốc thực vật	Có nguồn gốc động vật
Gấc					
Đu đủ					
Xoài					
Dưa hấu					

2. Nối các nội dung ở cột A với các nội dung ở cột B cho phù hợp với vai trò của mỗi loại chất đối với cơ thể.

A

B

1. Vi-ta-min

a. Không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá.

2. Chất khoáng

b. Không tham gia trực tiếp vào việc xây dựng cơ thể hay cung cấp năng lượng nhưng rất cần cho hoạt động sống của cơ thể. Nếu thiếu chúng, ta sẽ bị bệnh.

3. Chất xơ

c. Tham gia vào việc xây dựng cơ thể, tạo ra các men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống.

3. Viết tên ba loại thức ăn em thường ăn hằng ngày có chứa nhiều vi-ta-min, chất khoáng và chất xơ.

-
-
-

Bài 7.

TẠI SAO CẦN ĂN PHỐI HỢP NHIỀU LOẠI THỨC ĂN ?

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Mỗi loại thức ăn chỉ cung cấp một số chất dinh dưỡng nhất định ở những tỉ lệ khác nhau, vì vậy cần ăn phối hợp nhiều loại thức ăn để cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- ☐ Không một loại thức ăn nào có thể cung cấp đủ các chất dinh dưỡng cho nhu cầu của cơ thể dù thức ăn đó chứa nhiều chất dinh dưỡng.
- ☐ Hằng ngày, chỉ cần ăn một số loại thức ăn mà ta thích là đảm bảo có sức khỏe tốt, không cần cầu kì thay đổi món ăn.
- ☐ Thay đổi món ăn vừa giúp ta ăn ngon miệng, vừa cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cơ thể.

2. Quan sát và đọc kĩ phần ghi chú *Tháp dinh dưỡng cân đối trung bình cho một người trong một tháng* trang 17 SGK để hoàn thành bảng sau :

Tên các thức ăn	Nên ăn khoảng bao nhiêu trong một tháng <i>(đối với người lớn)</i>
Muối
Đường
.....	Ăn có mức độ
.....	Ăn vừa phải
.....	Ăn đủ (theo khả năng)
.....	Ăn đủ (10kg)
.....	Ăn đủ (12kg)

Bài 8. TẠI SAO CẦN ĂN PHỐI HỢP ĐẠM ĐỘNG VẬT VÀ ĐẠM THỰC VẬT ?

1. Viết tên một số thức ăn chứa đạm động vật hoặc đạm thực vật vào bảng sau :

Số thứ tự	Thức ăn chứa đạm động vật	Thức ăn chứa đạm thực vật
1
2
3
4
5

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

Sau đây là một số lời khuyên về cách ăn các thức ăn chứa nhiều chất đạm :

- ☐ Thịt có nhiều chất đạm quý không thay thế được. Thịt còn có nhiều chất sắt dễ hấp thụ. Vì vậy, chỉ cần ăn thịt là đủ.
- ☐ Ta nên ăn cá vì cá có nhiều chất đạm quý. Cá là loại thức ăn dễ tiêu. Cá có chứa chất phòng chống xơ vữa động mạch.

- ☐ Thịt là loại thức ăn khó tiêu. Thịt khi được tiêu hoá sẽ tạo ra một vài chất độc. Nếu các chất độc này không được nhanh chóng thải ra ngoài sẽ hấp thụ vào cơ thể và gây ngộ độc. Vì vậy, ta không nên ăn nhiều thịt.
- ☐ Chất đạm thực vật đều dễ tiêu, có nhiều ở đậu đen, đậu xanh, đậu nành. Đậu nành và các sản phẩm từ đậu nành (như sữa đậu nành, đậu phụ, tương) có chứa chất phòng chống xơ vữa động mạch. Vì vậy, chỉ cần ăn đạm thực vật là đủ.
- ☐ Chúng ta cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật vì mỗi loại đạm có chứa những chất bổ dưỡng khác nhau. Ăn nhiều loại đạm sẽ giúp cơ thể được bổ sung nhiều chất bổ dưỡng. Ăn nhiều loại đạm sẽ giúp cơ quan tiêu hoá hoạt động tốt hơn.

Bài 9. SỬ DỤNG HỢP LÝ CÁC CHẤT BÉO VÀ MUỐI ĂN

1. Viết tên một số thức ăn chứa chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật vào bảng sau :

Số thứ tự	Thức ăn chứa chất béo động vật	Thức ăn chứa chất béo thực vật
1
2
3
4
5

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

Sau đây là một số lời khuyên về cách ăn các thức ăn chứa nhiều chất béo :

- ☐ Nên ăn ít thức ăn chứa nhiều chất béo động vật để phòng tránh các bệnh như huyết áp cao, tim mạch.
- ☐ Không nên ăn chất béo có nguồn gốc động vật vì trong chất béo này có chứa chất gây xơ vữa thành mạch máu.
- ☐ Nên ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật để đảm bảo cung cấp đủ các loại chất béo cần thiết cho cơ thể.
- ☐ Chỉ nên ăn chất béo có nguồn gốc thực vật vì trong chất béo này có chứa chất chống lại bệnh xơ vữa thành mạch máu.

3. Điền các từ : *muối i-ốt, ăn mặn* vào chỗ ... cho phù hợp.

a) Chúng ta không nên để tránh bệnh huyết áp cao.

b) Chúng ta nên sử dụng trong các bữa ăn để cơ thể phát triển bình thường cả về thể lực và trí tuệ đồng thời phòng bệnh bướu cổ.

Bài 10. ĂN NHIỀU RAU VÀ QUẢ CHÍN.

SỬ DỤNG THỰC PHẨM SẠCH VÀ AN TOÀN

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

Sau đây là một số lời khuyên về cách ăn các thức ăn chứa nhiều vi-ta-min, chất khoáng và chất xơ :

- ☐ Có thể ăn các thức ăn động vật như tôm, cua, cá để thay thế cho một số loại rau và quả chín.
- ☐ Chúng ta nên ăn đủ và ăn phối hợp nhiều loại rau, quả chín để cung cấp cho cơ thể đủ các loại vi-ta-min, chất khoáng và chất xơ.
- ☐ Có thể ăn nhiều loại quả khác nhau để thay thế cho các loại rau.

2. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Đặc điểm của thực phẩm

B

Đánh giá chất lượng

1. Thực phẩm giữ được chất dinh dưỡng.

2. Được nuôi trồng, bảo quản và chế biến hợp vệ sinh. Không bị nhiễm khuẩn, nhiễm hoá chất. Không gây ngộ độc hoặc gây hại lâu dài cho sức khoẻ người sử dụng.

3. Còn nguyên vẹn, lành lặn ; không trầy xước, thâm nhũn ở núm cuống.

4. Chúng quá "mập" hoặc quá "phồng phao". Có màu sắc bất thường hoặc xanh mướt. Cầm lên thấy nhẹ bồng.

5. Có màu sắc tự nhiên của rau, quả ; không ulla, héo.

a. Rau, quả tươi

b. Rau, quả dư thừa hoá chất bảo vệ thực vật

c. Sạch và an toàn

3. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho thích hợp trong các câu dưới đây :

nước sạch ; tươi ; sạch ; nấu chín ; màu sắc ; mùi vị lạ ; bảo quản ; an toàn

- Để thực hiện vệ sinh thực phẩm cần :
- Chọn thức ăn , , có giá trị dinh dưỡng, không có và
 - Dùng để rửa thực phẩm, dụng cụ và để nấu ăn.
 - Thức ăn được , nấu xong nên ăn ngay.
 - Thức ăn chưa dùng hết phải đúng cách.

Bài 11. MỘT SỐ CÁCH BẢO QUẢN THỨC ĂN

1. Quan sát các hình trang 24, 25 SGK để hoàn thành bảng sau :

Hình	Cách bảo quản
1
2
3
4
5
6
7

2. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A	B
1. Phơi khô, nướng, sấy	
2. Ướp muối, ngâm nước mắm	a. Làm cho vi sinh vật không có điều kiện hoạt động
3. Đóng hộp	b. Tiêu diệt vi khuẩn và ngăn không cho vi khuẩn mới xâm nhập vào thức ăn
4. Cô đặc với đường	

3. Hoàn thành bảng sau :

Cách bảo quản		Thức ăn (viết rõ tên)
Làm khô	Phơi khô	
	Nướng	
	Sấy	
Ướp muối		
Ướp lạnh		
Cô đặc với đường		
Đóng hộp		

Bài 12. PHÒNG MỘT SỐ BỆNH DO THIẾU CHẤT DINH DƯỠNG

1. Hoàn thành bảng sau :

Thiếu chất dinh dưỡng	Bị bệnh
Đạm	Suy dinh dưỡng
.....	– Bướu cổ – Phát triển chậm, kém thông minh
Vi-ta-min D
.....	Mất nhìn kém (bệnh quáng gà)
.....	Chảy máu chân răng
Vi-ta-min B

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Để phòng bệnh do thiếu i-ốt, hằng ngày bạn nên sử dụng :

- a) Muối tinh.
- b) Bột ngọt.
- c) Muối hoặc bột canh có bổ sung i-ốt.

3. Cần phải làm gì để phòng các bệnh do thiếu chất dinh dưỡng ?

.....
.....

4. Cần phải làm gì khi phát hiện bị bệnh do thiếu chất dinh dưỡng ?

.....
.....

Bài 13.

PHÒNG BỆNH BÉO PHÌ

1. Chọn các cụm từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp (một cụm từ có thể được điền ở hai chỗ ...).

cân nặng, lượng mỡ, chiều cao, tăng cân, gia đình, điều trị, chế độ ăn

Béo phì ở trẻ em được định nghĩa là sự tăng quá mức của dự trữ dẫn đến bất thường, quá mức so với của trẻ em.

Béo phì có thể phòng ngừa và được, tuy nhiên kết quả phụ thuộc rất nhiều vào Nguyên tắc béo phì là giảm tốc độ , điều chỉnh theo tuổi, tăng hoạt động thể lực, vẫn phải bảo đảm được sự tăng trưởng của trẻ.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Cha mẹ cho rằng con càng bụ bẫm càng khỏe nên thường khuyến khích hoặc thậm chí nài ép trẻ ăn thật nhiều thức ăn bổ dưỡng.
- ☐ Trẻ ăn quá nhiều thức ăn bổ dưỡng kéo dài, nhưng hoạt động quá ít có thể dẫn đến béo phì.
- ☐ Để phòng bệnh béo phì, hằng ngày cần thực hiện chế độ ăn uống hợp lý như ăn đủ chất đạm, bột đường, vi-ta-min, chất khoáng ; tăng cường các hoạt động vận động.

3. Nêu ba tác hại của bệnh béo phì.

.....

.....

.....

Bài 14.

PHÒNG MỘT SỐ BỆNH LÂY QUA ĐƯỜNG TIÊU HOÁ

1. Điền các từ : *tả, tiêu chảy, lị* vào chỗ ... trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Tên bệnh	Dấu hiệu của bệnh
.....	Đi ngoài phân lỏng, nhiều nước, có thể đi từ ba hoặc nhiều lần hơn nữa trong một ngày ; làm cơ thể bị mất nhiều nước và muối.
.....	Gây ra ỉa chảy nặng, nôn mửa, mất nước và trụy tim mạch. Bệnh có thể lây lan nhanh chóng thành dịch nếu không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.
.....	Gây ra đau bụng quặn ở vùng bụng dưới, mót rặn nhiều, đi ngoài nhiều lần, phân lẫn máu và mũi nhầy.

2. Quan sát các hình trang 30, 31 SGK.

a) Tìm các hình thể hiện những việc không nên làm để phòng các bệnh lây qua đường tiêu hoá và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Hậu quả
.....
.....

b) Tìm các hình thể hiện những việc nên làm để phòng các bệnh lây qua đường tiêu hoá và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Tác dụng
.....
.....
.....
.....

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Những việc làm nào dễ dẫn đến mắc bệnh lây qua đường tiêu hoá ?

- a) Rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.
- b) Sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, thường xuyên dọn sạch sẽ nơi đại tiểu tiện, giữ vệ sinh chuồng gia súc, gia cầm ; đại tiểu tiện và đổ rác đúng nơi quy định.
- c) Ăn thức ăn ôi, thiu ; ăn cá sống, thịt sống ; uống nước lã.

3.2. Trong số những con vật dưới đây, con vật nào truyền bệnh lây qua đường tiêu hoá ?

- a) Chuột.
- b) Gián.
- c) Ruồi.
- d) Muỗi.

Bài 15. BẠN CẢM THẤY THẾ NÀO KHI BỊ BỆNH ?

1. Quan sát các hình ở trang 32 SGK và viết rõ nội dung ba câu chuyện theo yêu cầu trong SGK vào bảng dưới đây (theo mẫu) :

	Câu chuyện 1	Câu chuyện 2	Câu chuyện 3
Hùng lúc khoẻ	Hình 2 : Hùng đi bơi khi trời nắng.
Hùng lúc bị bệnh
Hùng lúc được khám bệnh

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng và chữ S vào ☐ trước câu sai.
- ☐ Khi khoẻ mạnh ta cảm thấy thoải mái, dễ chịu.
 - ☐ Khi khoẻ mạnh ta cảm thấy mệt mỏi, khó chịu.
 - ☐ Khi bị bệnh ta cảm thấy mệt mỏi, khó chịu.
 - ☐ Khi bị bệnh có thể có một số biểu hiện như chán ăn, đau bụng, tiêu chảy, sốt, ho,...
3. Bạn sẽ làm gì khi trong người cảm thấy khó chịu hoặc thấy không bình thường ?
-
-
-

Bài 16. ĂN UỐNG KHI BỊ BỆNH

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng và chữ S vào ☐ trước câu sai.
- ☐ Người bị bệnh thông thường chỉ nên ăn cháo cho dễ tiêu.
 - ☐ Người bị bệnh thông thường cần được ăn nhiều thức ăn có giá trị dinh dưỡng như thịt, cá, trứng, sữa, các loại rau xanh, quả chín,...
 - ☐ Có một số bệnh đòi hỏi phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.
 - ☐ Đối với người bệnh quá yếu (mà không phải ăn kiêng) nên khuyến khích họ ăn càng nhiều cơm càng chóng lại sức.
 - ☐ Đối với người bệnh quá yếu (mà không phải ăn kiêng) nên cho họ ăn thức ăn lỏng như cháo thịt băm nhỏ, xúp, canh, uống sữa, nước quả ép và nên cho ăn nhiều bữa (nếu mỗi bữa chỉ ăn được một ít).
2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng .
- Để đề phòng bị mất nước cho trẻ bị tiêu chảy, trong trường hợp không có ô-rê-dôn, cần nấu cháo muối theo công thức nào?
- a) Ba bát nước (loại bát dùng để ăn cơm), một nắm gạo, một ít muối.
 - b) Bốn bát nước (loại bát dùng để ăn cơm), một nắm gạo, một ít muối.
 - c) Bốn bát nước (loại bát dùng để ăn cơm), hai nắm gạo, một ít muối.
 - d) Năm bát nước (loại bát dùng để ăn cơm), một nắm gạo, một ít muối.

Bài 17. PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC

1. Quan sát các hình trang 36, 37 SGK và hoàn thành bảng sau (theo mẫu) :

Hình	Nội dung hình	Nên thực hiện	Không nên thực hiện
1	Hai bạn đang chơi đùa cạnh ao, một bạn đang nghịch nước ở cầu ao.		
2		
3		
4		
5		

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng và chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối.
- ☐ Giếng nước cần phải xây thành cao có nắp đậy.
- ☐ Chum, vại, bể nước phải có nắp đậy.
- ☐ Chấp hành tốt các quy định về an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông đường thủy.
- ☐ Không lội qua suối khi trời mưa, lũ, dòng, bão.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Cần tránh làm gì khi đi bơi ở bể bơi ?

- a) Tuân thủ quy định của bể bơi.
- b) Tắm sạch trước khi bơi.

c) Xuống nước bơi khi đang ra mồ hôi.

d) Trước khi xuống nước phải tập vận động.

4. Tại sao chỉ nên đi bơi hoặc tập bơi ở nơi có người lớn và phương tiện cứu hộ ?

.....

.....

.....

Bài 18 - 19. ÔN TẬP : CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

1. Theo dõi và ghi lại tên thức ăn, đồ uống hằng ngày của bạn vào bảng sau :

Thời gian	Tên thức ăn, đồ uống						
	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Sáng

Trưa

Thời gian	Tên thức ăn, đồ uống						
	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Chiều

2. Tự nhận xét về các bữa ăn trong tuần của bạn và đánh dấu \ vào cột phù hợp trong bảng sau :

	Đã thực hiện	Chưa thực hiện
Ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.		
Phối hợp đậm động vật và đậm thực vật.		
Sử dụng hợp lí các chất béo và muối ăn.		
Ăn nhiều rau và quả chín.		


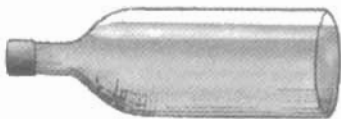
Vật chất và năng lượng


Bài 20. NƯỚC CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ ?

1. Quan sát hình 1 và 2 trang 42 SGK và hoàn thành bảng sau :

	Kết quả quan sát	Kết luận (Cốc 1 chứa gì ? Cốc 2 chứa gì ?)
Cốc 1
Cốc 2

2. Làm thí nghiệm *Tìm hiểu xem nước có hình dạng thế nào* và hoàn thành bảng sau :

Dụng cụ và cách tiến hành	Nhận xét hình dạng của nước
<p>Bước 1.</p> <p>Đổ nước vào một chai nhựa trong và đậy chặt nút chai.</p> 	<p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Bước 2. Để chai nước nằm ngang.</p> 	<p>.....</p> <p>.....</p>

Dụng cụ và cách tiến hành	Nhận xét hình dạng của nước
<p>Bước 3. Đốc ngược chai nước.</p> 	<p>.....</p> <p>.....</p>
<p>Kết luận rút ra qua thí nghiệm trên.</p>	<p>.....</p> <p>.....</p>

3. Làm thí nghiệm *Tìm hiểu xem nước chảy thế nào* (hình 4 trang 43 SGK) và hoàn thành bảng sau :

Dụng cụ và cách tiến hành	Nhận xét và kết luận
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

4.1. Vật cho nước thấm qua :

a) Chai thủy tinh.

b) Vải bông.

c) Áo mưa.

d) Lon sữa bò.

4.2. Chất tan trong nước :

a) Cát.

b) Bột gạo.

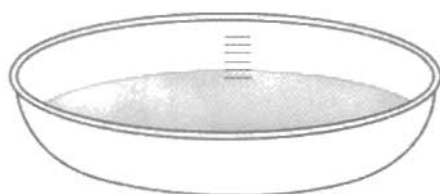
c) Đường.

d) Bột mì.

Bài 21.

BA THỂ CỦA NƯỚC

1. Đặt một chậu chứa ít nước (đánh dấu vạch nước trong chậu) dưới ánh nắng mặt trời trong một vài ngày. Nhận xét xem mực nước trong chậu thay đổi thế nào.



.....

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Nước trong thiên nhiên tồn tại ở những thể nào ?

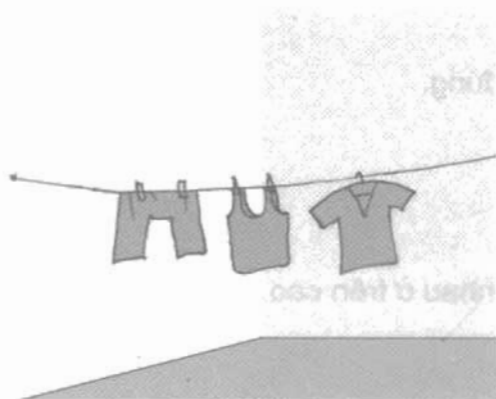
- a) Ở một thể : lỏng.
- b) Ở hai thể : lỏng và khí.
- c) Ở hai thể : khí và rắn.
- d) Ở cả ba thể : lỏng, khí và rắn.

2.2. Nước bay hơi kém trong điều kiện nào ?

- a) Không khí ẩm.
- b) Nhiệt độ cao.
- c) Không khí khô.
- d) Thoáng gió.

3. Đánh dấu × vào ☐ dưới hình bạn lựa chọn.

Quần áo ướt muốn nhanh khô phải phơi ở đâu ?


☐

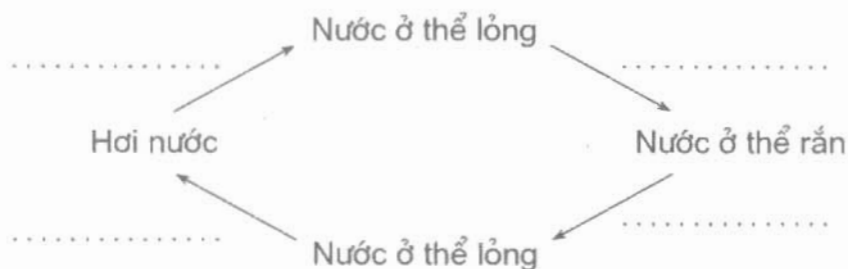
☐

4. Đặt khay có nước vào ngăn đá của tủ lạnh, sau vài giờ lấy ra.

a) Hiện tượng gì sẽ xảy ra đối với nước trong khay ?

b) Hiện tượng đó gọi là gì ?

5. Hãy điền các từ : *bay hơi* ; *đông đặc* ; *ngưng tụ* ; *nóng chảy* vào vị trí của các mũi tên cho phù hợp.



Bài 22. MÂY ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO ?

MƯA TỪ ĐÂU RA ?

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Mây được hình thành từ cái gì ?

- a) Không khí.
- b) Bụi và khói.
- c) Nhiều hạt nước nhỏ li ti hợp lại với nhau ở trên cao.

1.2. Mưa từ đâu ra ?

- a) Từ những luồng không khí lạnh.
- b) Bụi và khói.
- c) Từ những đám mây chứa nhiều hạt nước nhỏ đọng lại thành các giọt nước lớn hơn, rơi xuống.

2. Hãy điền các từ trong khung vào chỗ ... trong các câu dưới đây cho phù hợp.

ngưng tụ, bay hơi, giọt nước, hơi nước, các đám mây

- Nước ở sông, hồ, suối, biển thường xuyên vào không khí.
- bay lên cao, gặp lạnh thành những hạt nước rất nhỏ, tạo nên
- Các có trong các đám mây rơi xuống đất tạo thành mưa.

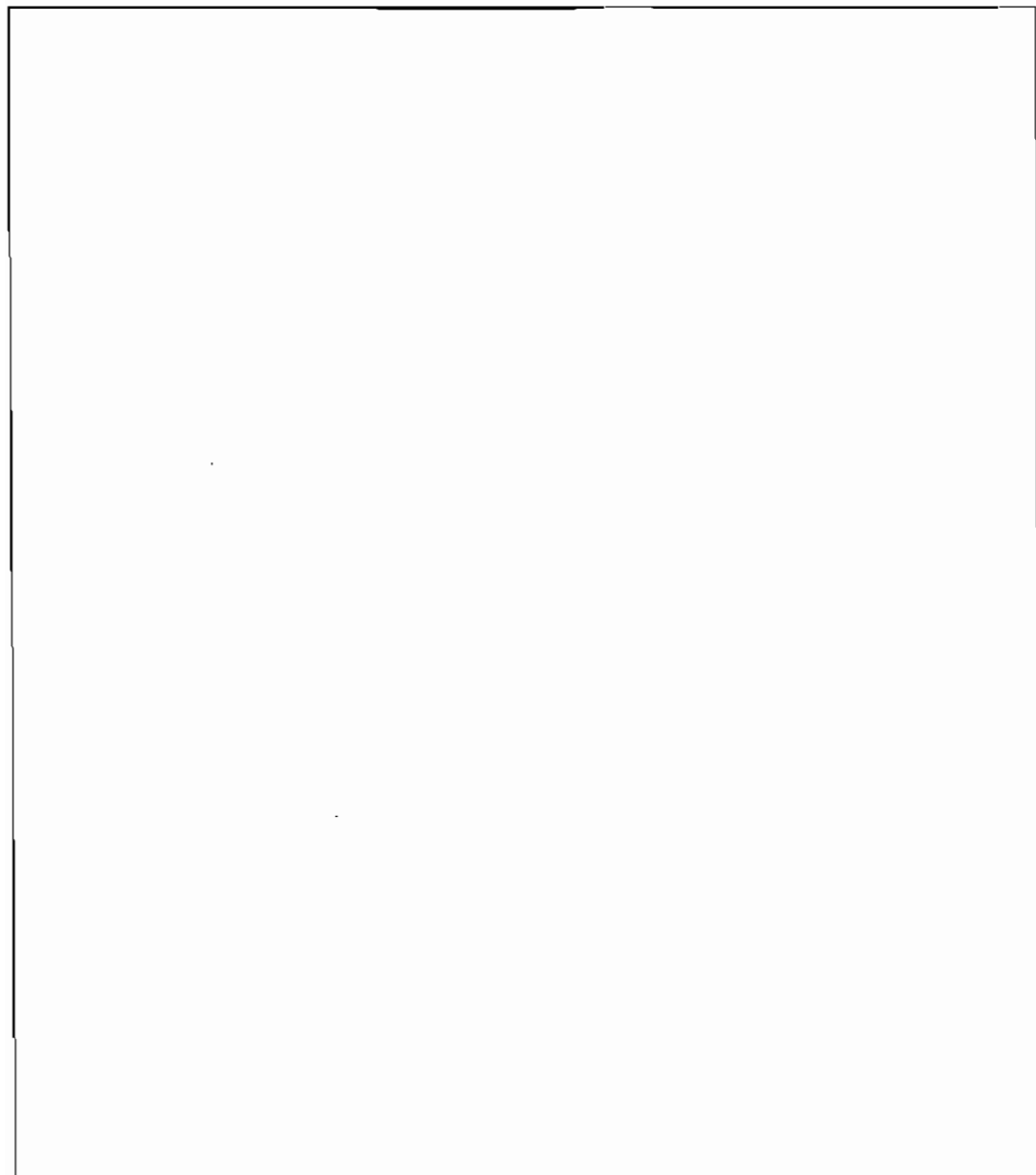
3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên là :

- a) Hiện tượng nước bay hơi thành hơi nước.
- b) Từ hơi nước ngưng tụ thành nước.
- c) Hiện tượng nước bay hơi thành hơi nước, rồi từ hơi nước ngưng tụ thành nước xảy ra lặp đi lặp lại.

Bài 23. SƠ ĐỒ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN

Vẽ sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên một cách đơn giản theo trí tưởng tượng của bạn (sử dụng mũi tên và ghi chú).



Bài 24.

NƯỚC CẦN CHO SỰ SỐNG

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Nước chiếm phần lớn trọng lượng cơ thể người, động vật, thực vật.
- ☐ Nước có thể thay thế được các thức ăn khác của động vật.
- ☐ Nhờ có nước mà cơ thể hấp thụ được những chất dinh dưỡng hoà tan và thải ra ngoài những chất thừa, chất độc hại.
- ☐ Nước chỉ cần cho những thực vật và động vật sống ở dưới nước.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Sinh vật có thể chết khi nào ?

- a) Mất từ 1% đến 4% nước trong cơ thể.
- b) Mất từ 5% đến 9% nước trong cơ thể.
- c) Mất từ 10% đến 15% nước trong cơ thể.
- d) Mất từ 10% đến 20% nước trong cơ thể.

3. Viết từ hai đến ba ví dụ về :

a) Con người sử dụng nước trong việc vui chơi giải trí :

.....

.....

.....

b) Con người sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp :

.....

.....

.....

c) Con người sử dụng nước trong sản xuất công nghiệp :

.....

.....

.....

Bài 25.

NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A	B
1. Nước sông, hồ, ao	a. có nhiều phù sa
2. Nước sông	b. thường bị vẩn đục vì lẫn nhiều đất, cát
3. Nước mưa giữa trời, nước giếng, nước máy	c. thường có màu xanh
4. Nước hồ, ao có nhiều tảo sinh sống	d. thường trong vì không bị lẫn nhiều đất, cát

2. Hoàn thành bảng sau :

Tiêu chuẩn đánh giá	Nước bị ô nhiễm	Nước sạch
Màu
Mùi
Vị
Vi sinh vật
Các chất hoà tan

Bài 26. NGUYÊN NHÂN LÀM NƯỚC BỊ Ô NHIỄM

1. Quan sát từ hình 1 đến hình 8 trang 54, 55 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nguyên nhân gây ô nhiễm nước được mô tả trong hình
1	<div><div></div><div></div></div>
2	<div><div></div><div></div></div>
3	<div><div></div><div></div></div>
4	<div><div></div><div></div></div>
5	<div><div></div><div></div></div>
6	<div><div></div><div></div></div>

Hình	Nguyên nhân gây ô nhiễm nước được mô tả trong hình
7	<p>.....</p> <p>.....</p>
8	<p>.....</p> <p>.....</p>

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Các bệnh liên quan đến nước là :

- a)** Tả, lị, thương hàn, tiêu chảy, bại liệt, viêm gan, mắt hột,...
- b)** Viêm phổi, lao, cúm.
- c)** Các bệnh về tim, mạch, huyết áp cao.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng với những nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm ở địa phương và bổ sung thêm nguyên nhân khác vào chỗ ... (nếu có).

Tại sao nguồn nước ở địa phương em bị ô nhiễm ?

- a)** Phân, rác, nước thải không được xử lí đúng.
- b)** Sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu.
- c)** Khói, bụi và khí thải của nhà máy, xe cộ,...
- d)** Vỡ ống nước, vỡ ống dẫn dầu,...
- e)** Nguyên nhân khác

.....

.....

Bài 27. MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC

1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Cách làm sạch nước

1. Lọc nước (bằng giấy lọc, bông ; cát, sỏi, xỉ than, than củi)

2. Đun sôi

3. Khử trùng bằng nước gia-ven hoặc ô-xi già

B

Kết quả

a. Diệt một số vi khuẩn có hại nhưng thường làm nước có mùi hắc

b. Loại bỏ các chất không tan trong nước

c. Phần lớn vi khuẩn bị chết

2. Viết tác dụng của quy trình sản xuất nước sạch của nhà máy nước vào bảng sau :

Các giai đoạn của dây chuyền sản xuất nước sạch	Tác dụng
1. Trạm bơm nước đợt một
2. Dàn khử sắt và bể lắng
3. Bể lọc
4. Sát trùng
5. Bể chứa
6. Trạm bơm đợt hai

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Sản xuất nước máy đúng quy trình sẽ :

- a) Chỉ khử được chất sắt có trong nước.
- b) Chỉ loại bỏ được các chất không tan trong nước.
- c) Chỉ diệt được một số vi khuẩn có hại trong nước.
- d) Khử được chất sắt, diệt được một số vi khuẩn có hại và loại bỏ được các chất không tan trong nước.

Bài 28. BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

1. Quan sát các hình trang 58, 59 SGK, tìm xem việc làm nào nên làm hoặc không nên làm để bảo vệ nguồn nước và hoàn thành bảng sau :

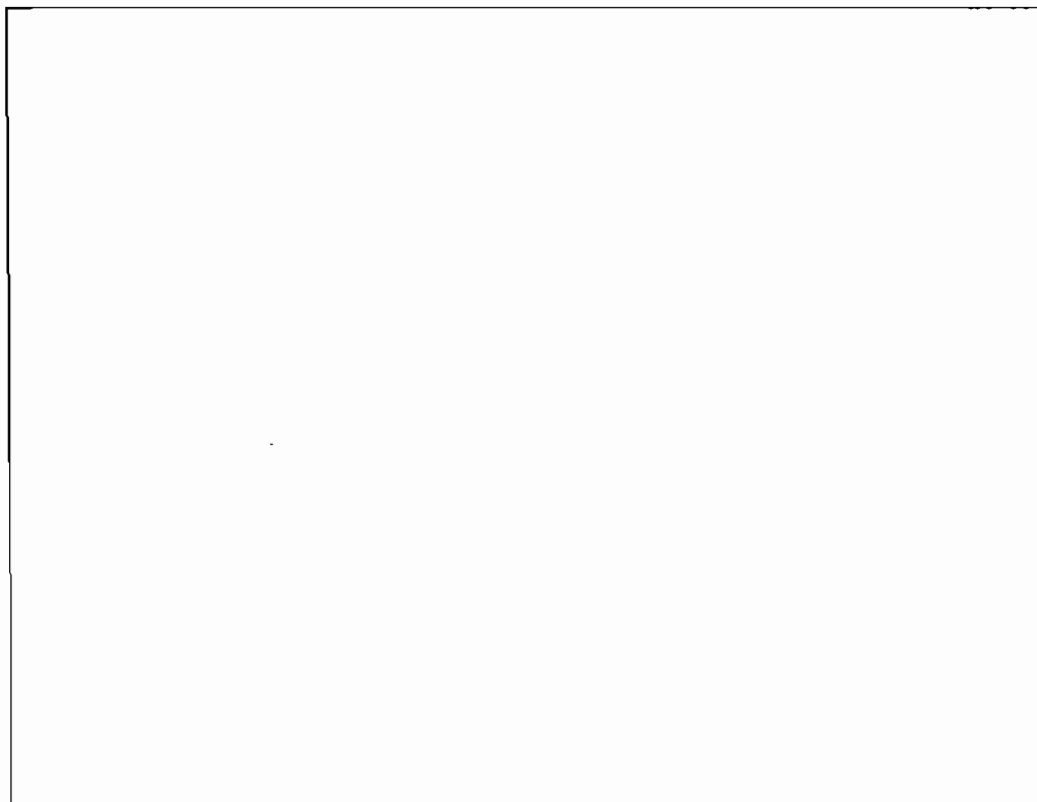
Hình	Tại sao nên làm ?	Tại sao không nên làm ?
1
2
3
4
5
6

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng với những việc làm để bảo vệ nguồn nước ở gia đình / địa phương em và bổ sung thêm việc làm khác vào chỗ (nếu có).

Địa phương và gia đình em cần làm gì để bảo vệ nguồn nước ?

- a) Giữ vệ sinh sạch sẽ xung quanh nguồn nước như giếng nước, hồ nước, đường ống dẫn nước.**
- b) Đục phá ống nước làm cho chất bẩn thấm vào nguồn nước.**
- c) Xây dựng nhà tiêu tự hoại, nhà tiêu hai ngăn để phân không thấm xuống đất và làm ô nhiễm nguồn nước.**
- d) Cải tạo và bảo vệ hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và công nghiệp trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.**
- e) Những việc làm khác :**

3. Vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ nguồn nước.



Bài 29.

TIẾT KIỆM NƯỚC

1. Quan sát các hình trang 60, 61 SGK và hoàn thành bảng sau (theo mẫu) :

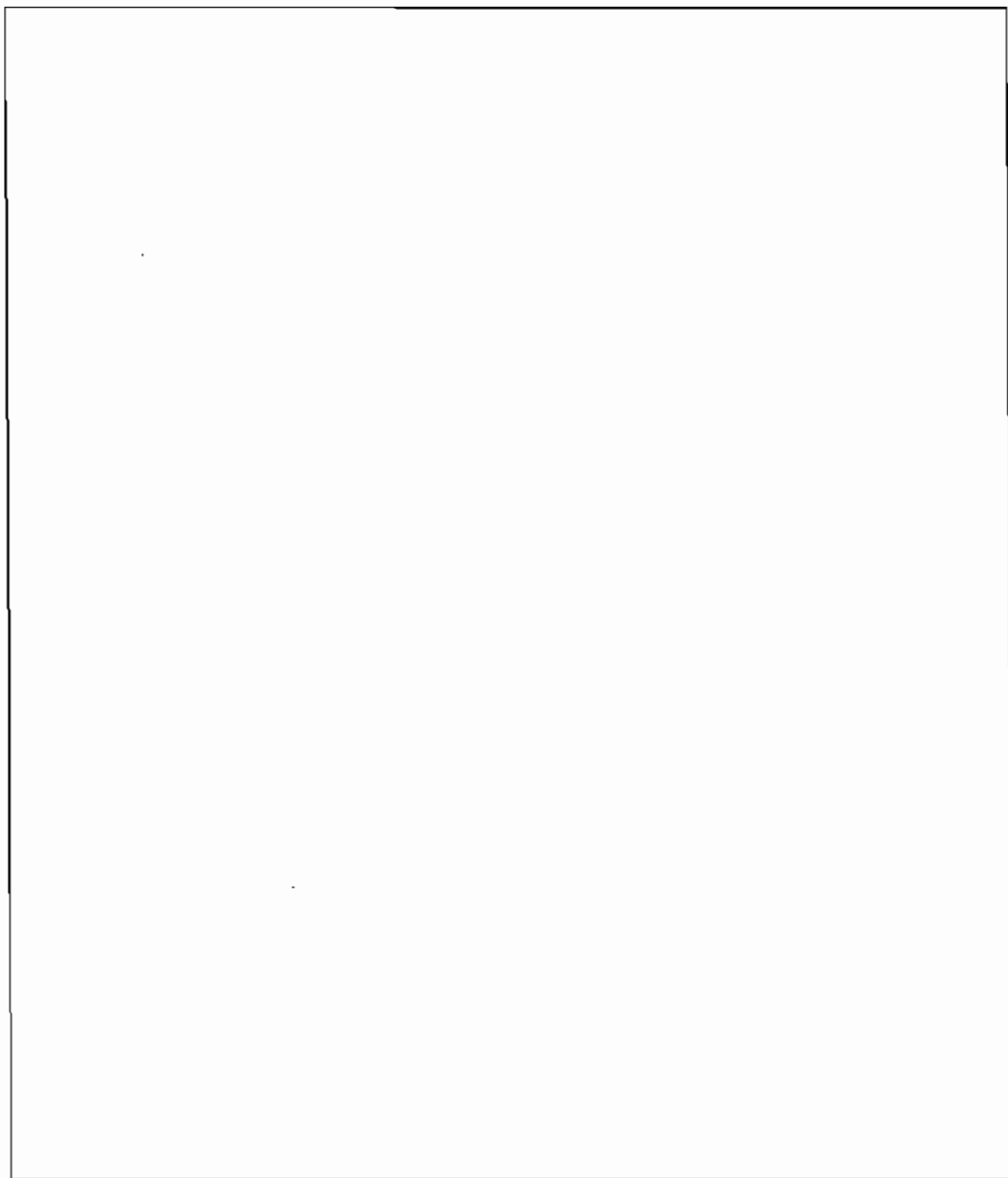
Hình	Nội dung hình	Nên thực hiện	Không nên thực hiện
1	Khoá vòi nước, không để nước chảy tràn.	×	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Nước sạch luôn có sẵn trong tự nhiên.
- ☐ Nguồn nước là vô tận cứ việc dùng thoải mái.
- ☐ Phải tốn nhiều công sức, tiền của mới sản xuất ra được nước sạch nên cần tiết kiệm nước.

- ☐ Tiết kiệm nước là một cách bảo vệ môi trường.
- ☐ Tiết kiệm nước vừa tiết kiệm được tiền cho bản thân, vừa để cho nhiều người khác được dùng nước sạch.

3. Vẽ tranh cổ động tuyên truyền tiết kiệm nước.



Bài 30. LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT CÓ KHÔNG KHÍ ?

1. Hoàn thành bảng sau :

Thực hành	Nhận xét hiện tượng	Giải thích và kết luận
Làm theo hình 1 trang 62 SGK
Làm theo hình 2 trang 62 SGK
Làm theo hình 3 trang 63 SGK
Làm theo hình 4 trang 63 SGK

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là gì ?

- a) Thạch quyển.
- b) Khí quyển.
- c) Thủy quyển.
- d) Sinh quyển.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Không khí có ở đâu ?

- a) Ở xung quanh mọi vật.
- b) Trong những chỗ rỗng của mọi vật.
- c) Có ở khắp nơi, xung quanh mọi vật và trong những chỗ rỗng của mọi vật.

Bài 31. KHÔNG KHÍ CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ ?

1. Quan sát những quả bóng bay trong hình 1c trang 64 SGK, bạn có nhận xét gì về hình dạng của không khí ?

.....

2. Quan sát hình 2 trang 65 SGK, khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Khi dùng tay ấn thân bơm vào sâu trong vỏ bơm tiêm (hình 2b), hiện tượng gì sẽ xảy ra ?

- a) Không khí trong vỏ bơm tiêm giãn ra.
- b) Không khí trong vỏ bơm tiêm bị nén lại.
- c) Không khí trong vỏ bơm tiêm không bị tác động.

2.2. Khi buông tay ra (hình 2c), hiện tượng gì sẽ xảy ra ?

- a) Không khí trong vỏ bơm tiêm giãn ra.
- b) Không khí trong vỏ bơm tiêm bị nén lại.
- c) Không khí trong vỏ bơm tiêm không bị tác động.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Tính chất nào dưới đây chỉ không khí có mà nước không có ?

- a) Không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.
- b) Có thể bị nén lại và có thể giãn ra.
- c) Không nhìn thấy.
- d) Chiếm chỗ trong không gian.

4. Quan sát hình 3, 4 trang 65 SGK. Hãy điền vào chỗ ... trong các câu sau cho phù hợp.

- a) Muốn làm không khí bị nén lại, ta phải
- b) Muốn làm không khí giãn ra, ta phải

Bài 32. KHÔNG KHÍ GỒM NHỮNG THÀNH PHẦN NÀO ?

1. Thực hiện như yêu cầu thí nghiệm trang 66 SGK và hoàn thành bảng sau :

Mô tả cách tiến hành thí nghiệm	Nhận xét hiện tượng và kết luận
.....
.....
.....
.....
.....

2. Quan sát hình 2, 4, 5 trang 66, 67 SGK. Hãy điền vào chỗ ... trong các câu sau cho phù hợp.

- a) Không khí gồm hai thành phần chính là : khí duy trì sự cháy và khí không duy trì sự cháy.
- b) Ngoài hai thành phần chủ yếu trên, không khí còn chứa các thành phần khác như :

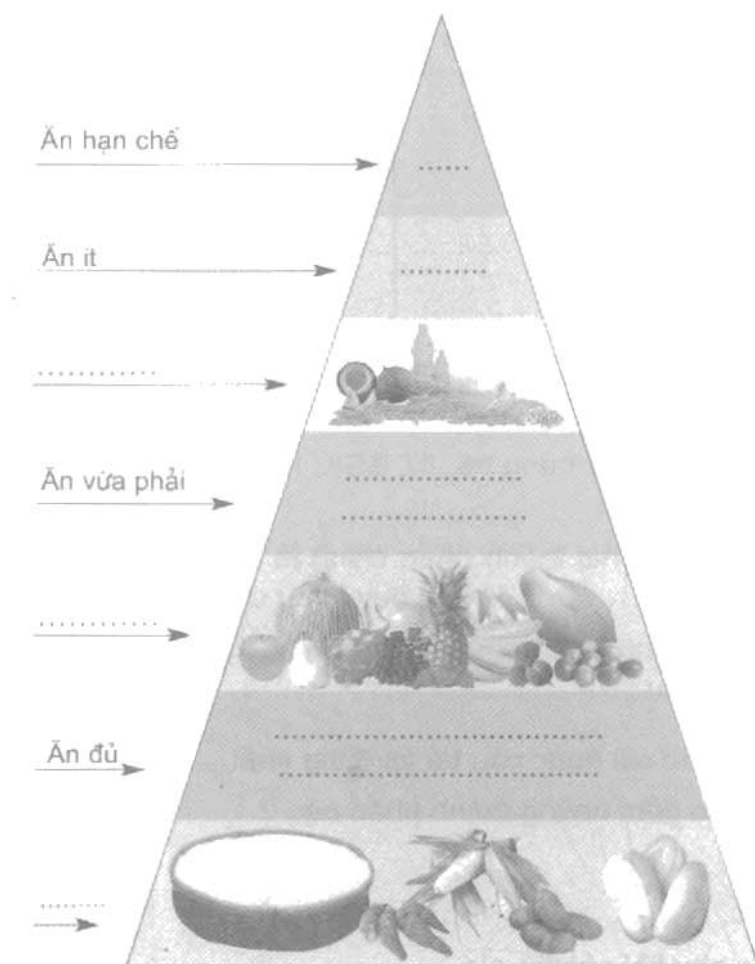
3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Không khí bao gồm những thành phần nào ?

- a) Khí nítơ.
- b) Hơi nước.
- c) Khí khác như khí cac-bô-níc...
- d) Khí ô-xi.
- e) Bụi, nhiều loại vi khuẩn,...
- g) Tất cả những thành phần trên.

Bài 33 - 34. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. Điền vào chỗ ... trong tháp dinh dưỡng cho phù hợp.



2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Tính chất nào dưới đây mà không khí và nước đều không có ?

- a) Chiếm chỗ trong không gian.
- b) Có hình dạng xác định.
- c) Không màu, không mùi, không vị.

3. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A	B
1. Quần áo ướt được phơi khô	a. Bay hơi
2. Cục nước đá bị tan	b. Ngưng tụ
3. Trời nắng nhiều ngày làm cho ao hồ cạn nước	c. Đông đặc
4. Nước trong tủ lạnh biến thành đá	d. Nóng chảy
5. Sự tạo thành các giọt sương	

Bài 35. KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY

1. Làm thí nghiệm như hình 1, 2 trang 70 SGK và hoàn thành bảng sau :

Mô tả cách tiến hành thí nghiệm	Nhận xét hiện tượng và kết luận
Hình 1 :
Hình 2 :

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trước khi làm thí nghiệm hãy dự đoán kết quả.

2.1. Ngọn nến trong hình 3 trang 70 SGK còn cháy được bao lâu ?

- a) Tắt ngay.
- b) Một lát sau thì tắt.
- c) Một lúc lâu sau thì tắt.

2.2. Tại sao ngọn nến trong hình 4 trang 71 SGK không bị tắt ?

- a) Vì khí ni-tơ có trong lọ duy trì sự cháy.
- b) Vì khí cac-bô-níc có trong lọ duy trì sự cháy.
- c) Không khí ở ngoài tràn vào tiếp tục cung cấp ô-xi để duy trì sự cháy.

3. Chọn các từ có trong khung để điền vào chỗ ... của các câu sau cho phù hợp. (Lưu ý một từ có thể sử dụng nhiều lần).

ni-tơ, sự cháy, quá nhanh, không khí

- a) Ô-xi trong không khí cần cho
- b) Càng có nhiều thì càng có nhiều ô-xi và diễn ra lâu hơn.
- c) trong không khí không duy trì sự cháy nhưng nó giữ cho sự cháy không diễn ra

Bài 36. KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG

1. Để tay trước mũi, thở ra và hít vào, bạn có nhận xét gì ?

.....

2. Lấy tay bịt mũi và ngậm miệng lại, bạn cảm thấy thế nào ?

.....

3. Tại sao sâu bọ trong lọ đầy kín bị chết ?

.....

4. Tại sao cây trong hình 4b trang 72 SGK bị chết ?

.....

5. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Tại sao không nên để nhiều hoa tươi và cây cảnh trong phòng ngủ đóng kín cửa ?

a) Vì hoa tươi toả ra mùi hương làm ta mất ngủ.

b) Vì hoa và cây hô hấp hút khí ô-xi, thải ra khí các-bô-níc làm con người thiếu ô-xi để thở.

c) Vì khi ta ngủ rồi thì không cần ngắt hoa và cây cảnh.

6. Viết một số trường hợp người ta cần có bình ô-xi trợ giúp để thở.

—

—

Bài 37.

TẠI SAO CÓ GIÓ ?

1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

1. Gió nhẹ

2. Không có gió

3. Gió mạnh

B

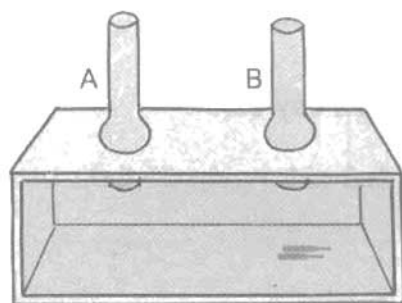
a. Chong chóng quay nhanh

b. Chong chóng không quay

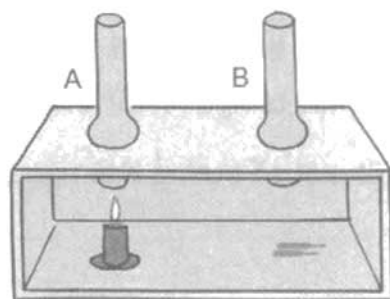
c. Chong chóng quay chậm

2. a) Đặt vài mẫu hương cháy đã tắt lửa nhưng còn bốc khói vào dưới ống B. Quan sát hình 1 và dự đoán xem khói hương bay ra qua ống nào. Hãy vẽ đường bay của khói hương vào hình 1.

b) Ngoài vài mẫu hương ở ống B như hình 1, đặt thêm một cây nến đang cháy dưới ống A. Quan sát hình 2 và dự đoán khói hương bay ra qua ống nào. Hãy vẽ đường bay của khói hương vào hình 2.



Hình 1



Hình 2

c) Vì sao bạn dự đoán như vậy ?

.....

.....

.....

.....

3. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Ban ngày, dưới ánh sáng mặt trời, phần đất liền nóng nhanh hơn phần biển. Do đó, không khí ở phần biển sẽ lạnh hơn không khí ở phần đất liền. Không khí chuyển động từ nơi lạnh đến nơi nóng và tạo thành gió từ biển thổi vào đất liền.
- ☐ Ban ngày, dưới ánh sáng mặt trời, phần đất liền nóng nhanh hơn phần biển. Do đó, không khí ở phần biển sẽ lạnh hơn không khí ở phần đất liền. Không khí chuyển động từ nơi nóng đến nơi lạnh và tạo thành gió từ đất liền thổi ra biển.
- ☐ Ban đêm, phần đất liền nguội đi nhanh hơn phần biển. Do đó, không khí ở phần đất liền sẽ lạnh hơn không khí ở phần biển. Không khí chuyển động từ nơi lạnh đến nơi nóng và tạo thành gió từ đất liền thổi ra biển.

Bài 38. GIÓ NHE, GIÓ MẠNH. PHÒNG CHỐNG BÃO

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Người ta đã chia sức gió thổi thành bao nhiêu cấp độ ?

- a) 10 cấp.
- b) 11 cấp.
- c) 12 cấp.
- d) 13 cấp.

2. Quan sát và đọc phần ghi chú dưới các hình 1, 2, 3, 4 trang 76 SGK.

Hãy hoàn thành bảng sau :

Cấp gió	Tác động của cấp gió
.....	Khi có gió này, mây bay, cây nhỏ đu đưa, sóng nước trong hồ dập dờn.
.....	Khi có gió này, bầu trời đầy những đám mây đen, cây lớn gãy cành, nhà có thể tốc mái.
.....	Lúc này khói bay thẳng lên trời, cây cỏ đứng im.

Cấp gió	Tác động của cấp gió
.....	Khi có gió này, trời có thể tối và có bão. Cây lớn đu đưa, người đi bộ ở ngoài trời sẽ rất khó khăn vì phải chống lại sức gió.
.....	Khi có gió này, bầu trời thường sáng sủa, bạn có thể cảm thấy gió trên da mặt, nghe thấy tiếng lá rì rào, nhìn được làn khói bay.

3. Dựa vào hình 5, 6 trang 77 SGK, hãy viết về tác hại của bão.

.....

.....

.....

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng với những việc làm để phòng chống bão ở gia đình / địa phương em và bổ sung thêm việc làm khác vào chỗ ... (nếu có).

Địa phương và gia đình em đã làm gì để phòng chống bão ?

- a) Theo dõi bản tin thời tiết.
- b) Tìm cách bảo vệ nhà cửa, sản xuất.
- c) Không dự trữ sẵn thức ăn, nước uống.
- d) Đến nơi trú ẩn an toàn, cắt điện khi có bão.
- e) Những việc làm khác :

.....

Bài 39.

KHÔNG KHÍ BỊ Ô NHIỄM

1. Quan sát các hình 1, 2, 3, 4 trang 78, 79 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Mô tả những hình ảnh thể hiện bầu không khí trong sạch hoặc bầu không khí bị ô nhiễm
1
2
3
4

2. Khoanh vào chữ cái trước ý **không** đúng.

2.1. Không khí bị ô nhiễm là không khí :

- a) Chỉ chứa các khói, bụi, khí độc, vi khuẩn với một tỉ lệ thấp, không làm hại đến sức khoẻ con người.
- b) Chứa nhiều khói và khí độc.
- c) Chứa nhiều loại bụi độc hại.
- d) Chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh.


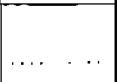
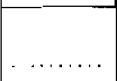
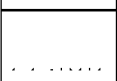
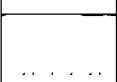
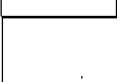
2.2. Sống lâu dài ở nơi không khí bị ô nhiễm có hại gì không?

- a) Không có hại, vì cơ thể ta có thể thích ứng được.
- b) Có thể bị viêm đường hô hấp.
- c) Có thể bị lao phổi.
- d) Có thể bị ung thư.


3. Hãy nhận xét về bầu không khí ở nơi em ở.

Bài 40. BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG SẠCH

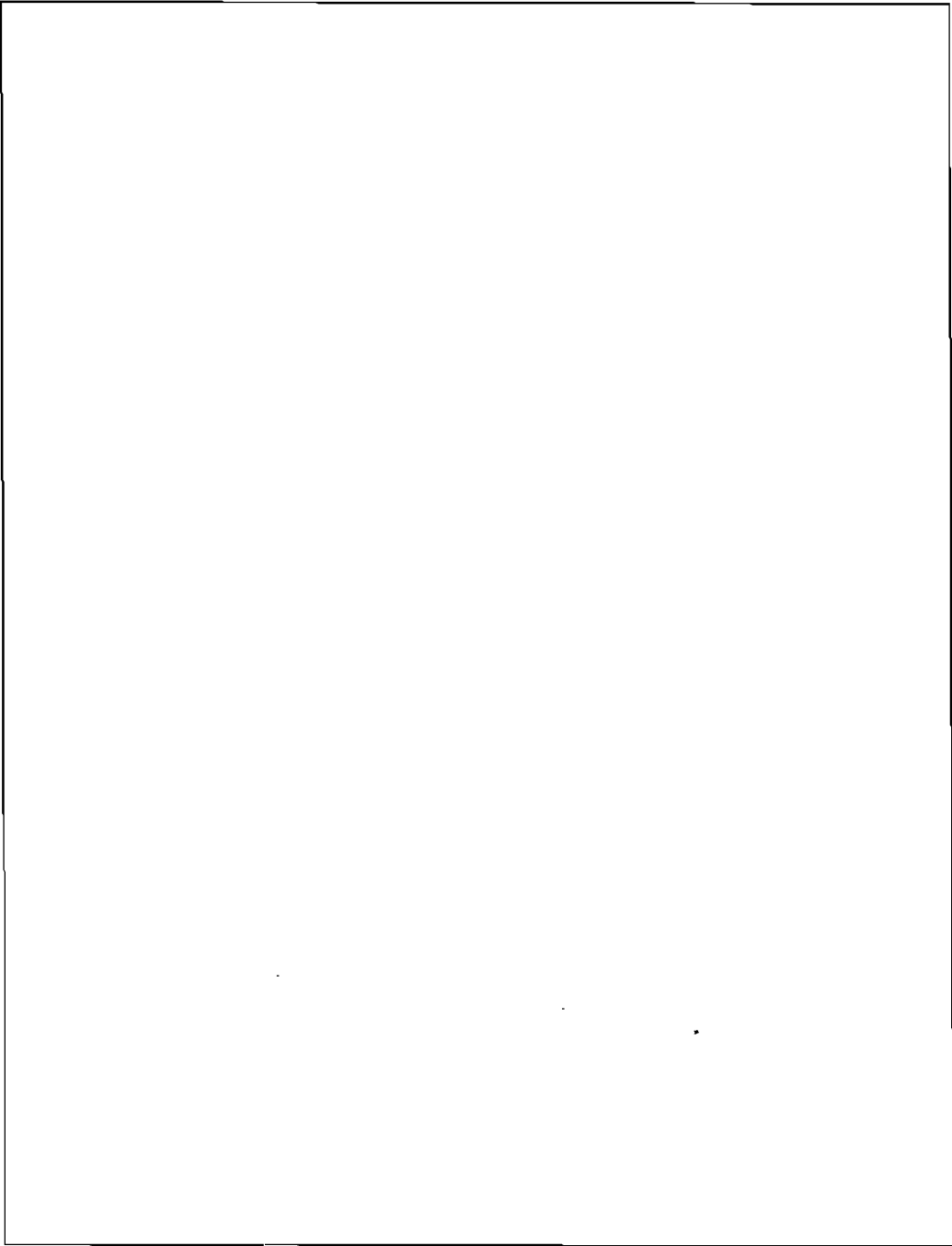
1. Quan sát các hình trang 80, 81 SGK và hoàn thành các bảng sau :
- a) Những việc nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch.

Hình	Nêu những việc nên làm và tác dụng của việc làm đó







- b) Việc không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch.

Hình	Nêu việc không nên làm và tác hại của việc làm đó


2. Vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ bầu không khí trong sạch.



Bài 41.

ÂM THANH

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Vật phát ra âm thanh khi nào ?

a) Khi vật va đập với vật khác.

b) Khi uốn cong vật.

c) Khi nén vật.

d) Khi làm vật rung động.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

☐ Chỉ có những vật như mặt trống, dây đàn khi phát ra âm thanh mới rung động, còn các vật như hòn đá, cục sắt khi phát ra âm thanh không hề có rung động.

☐ Hòn đá khi phát ra âm thanh thì cũng có rung động, tuy vậy rung động rất nhỏ nên ta không thể quan sát trực tiếp được.

☐ Chỉ những vật bị gõ, đập khi phát ra âm thanh mới có rung động còn đài, ti vi khi phát ra âm thanh không liên quan gì tới rung động.

3. Cho một cái trống. Rắc một ít vụn giấy lên mặt trống. Những quan sát nào sau đây cho thấy có mối liên hệ giữa rung động của mặt trống và sự phát ra âm thanh của trống ? Đánh dấu \times vào ☐ trước các ý bạn lựa chọn.

<input type="checkbox"/>	1. Trống càng kêu to, các vụn giấy này càng mạnh.
<input type="checkbox"/>	2. Khi trống kêu thì luôn thấy các vụn giấy nảy.
<input type="checkbox"/>	3. Trống đang kêu, đặt tay lên mặt trống, trống không kêu nữa, đồng thời các vụn giấy cũng không nảy nữa.
<input type="checkbox"/>	4. Khi trống không kêu nhưng có gió thổi làm các vụn giấy chuyển động.

Bài 42.

SỰ LAN TRUYỀN ÂM THANH

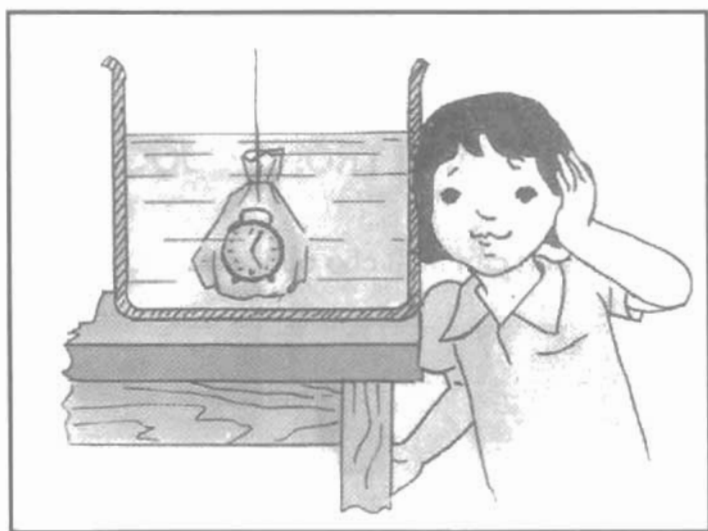
1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Âm thanh khi lan truyền ra xa sẽ mạnh lên.
- ☐ Càng đứng xa nguồn âm thì nghe càng nhỏ.
- ☐ Âm thanh có thể truyền qua chất rắn, chất khí nhưng không thể truyền qua chất lỏng.
- ☐ Âm thanh chỉ có thể truyền qua chất khí, không thể truyền qua chất lỏng và chất rắn.
- ☐ Âm thanh có thể truyền qua nước biển.

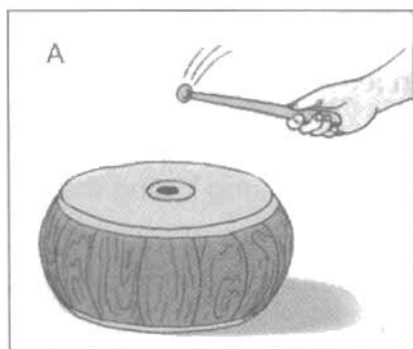
2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trường hợp nào sau đây cho thấy âm thanh có thể truyền qua nước ?

- a) Khi mở vòi nước chảy vào chậu, ta nghe được tiếng nước chảy.
- b) Một người lặn ở dưới nước và nghe thấy tiếng gõ vào mạn thuyền.
- c) Cá chạy ra xa bờ khi có người bước mạnh trên bờ.
- d) Bạn ở hình dưới đây có thể nghe được tiếng chuông đồng hồ.



3. Một bạn gõ trống tại A. Hãy viết hai điều kiện để một bạn khác (bình thường về thính giác) đứng ở B nghe được tiếng trống.



.....

.....

.....

Bài 43 - 44. ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG

1. Viết ba ví dụ về âm thanh cần thiết cho cuộc sống của con người.

.....

.....

.....

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

☐ Các quy định không gây tiếng ồn nơi công cộng chỉ áp dụng đối với các phương tiện, máy móc gây tiếng ồn lớn (như xe ô tô, ...).

- ☐ Sử dụng các vật ngăn cách có thể làm giảm tiếng ồn.
- ☐ Tiếng ồn chỉ làm ta mất tập trung vào công việc đang làm chứ không làm ảnh hưởng tới sức khỏe.
- ☐ Khi ở trong nhà mình thì có thể thoải mái hò hét, mở nhạc to, ...
- ☐ Xây dựng các nhà máy mới ở xa các khu nhà ở có thể hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn.

3. Gần khu nhà ở của bạn có một xưởng rèn làm việc gần như suốt ngày đêm.

a) Tiếng ồn từ xưởng có thể gây những tác hại gì cho những người sống ở khu nhà ?

.....

.....

.....

.....

b) Hãy nêu hai cách mà bạn có thể làm để phòng chống tiếng ồn nói trên.

.....

.....

.....

.....

4. Hãy tìm hiểu một loại nhạc cụ và viết về loại nhạc cụ đó.

– Tên nhạc cụ :

.....

.....

.....

Bài 45.

ÁNH SÁNG

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Vật nào tự phát sáng ?

a) Tờ giấy trắng.

b) Mặt Trời.

c) Mặt Trăng.

d) Trái Đất.

2. Đặt ba tấm bìa có khe tròn giữa mắt bạn và ngọn nến (như hình 1).

Bạn trong hình có nhìn thấy ngọn nến qua các khe hay không ?

Giải thích.

.....

.....

.....

.....

.....

Hình 1



3. Vì sao bạn ở hình 2 có thể đọc được sách ?

.....

.....

.....

.....

.....

Hình 2



4. Trong mỗi vật sau đây, hãy chỉ ra một bộ phận hoặc phần của vật cần cho ánh sáng truyền qua.

Vật	Bộ phận hoặc phần của vật cần cho ánh sáng truyền qua
1. Kính lúp	
2. Đồng hồ treo tường	
3. Xe ô tô	
4. Đèn pin	

Bài 46.

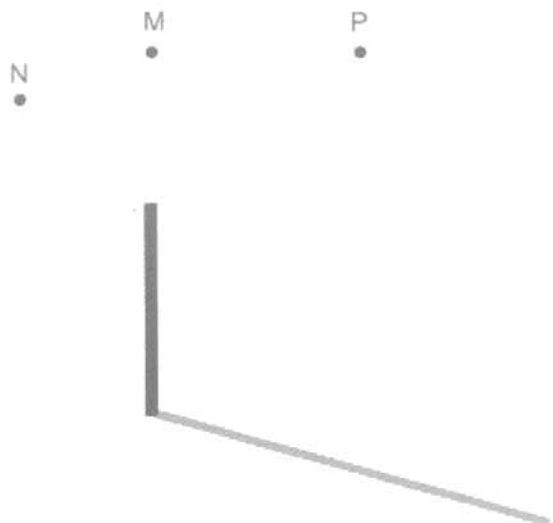
BÓNG TỐI

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1 Bóng tối được tạo thành như thế nào ?

- a) Phía sau vật cản sáng (khi được chiếu sáng) có bóng tối của vật đó.
- b) Khi ánh sáng chiếu vào vật bị phản chiếu, bóng tối chính là ánh sáng phản chiếu này.
- c) Bóng tối là do vật che khuất các tia màu đen tới tạo thành.

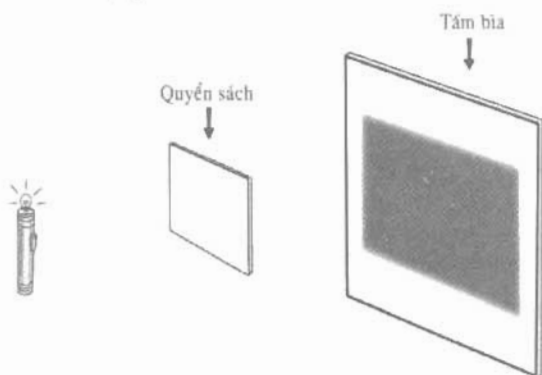
- 1.2. Hình vẽ dưới đây vẽ cái cọc và bóng của nó. Mặt Trời có thể ở vị trí nào trong các vị trí M, N, P ?



- a) M
- b) N
- c) P

1.3. Có thể làm cho bóng của quyển sách trên tấm bìa to hơn bằng cách sau đây ?

- a)** Dịch quyển sách lại gần tấm bìa.
- b)** Dịch bóng đèn lại gần quyển sách.
- c)** Dịch tấm bìa lại gần quyển sách.
- d)** Dịch bóng đèn ra xa quyển sách.



2. Cho một số vật : *quyển sách, tấm kính trong, túi nhựa,...* Làm thế nào để xác định vật nào cho ánh sáng truyền qua hầu như hoàn toàn, vật nào cho ánh sáng truyền qua một phần hoặc không cho ánh sáng truyền qua ?

.....

.....

.....

Bài 47. ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
- 1.1. Nhận xét cách mọc của các cây ở hình 1 trang 94 SGK :
- a) Những cây này đều mọc thẳng.
 - b) Những cây này vươn về phía bóng tối.
 - c) Những cây này đều vươn về phía ánh sáng của ngọn đèn.
- 1.2. Các bông hoa ở hình 2 trang 94 SGK có tên là hoa hướng dương vì :
- a) Những bông hoa này đều quay về một phía.
 - b) Những bông hoa này trông giống Mặt Trời.
 - c) Những bông hoa này đều hướng về phía Mặt Trời.

2. Quan sát hình 3 và hình 4 trang 95 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Dự đoán cây nào sẽ xanh tốt hơn	Giải thích
3
4

3. Điều gì sẽ xảy ra đối với thực vật nếu không có ánh sáng ?

.....

.....

Bài 48. ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG (tiếp theo)

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

1.1. Con người cần ánh sáng vì :

- a) Ánh sáng giúp con người nhìn rõ mọi vật, nhận biết thế giới hình ảnh, màu sắc.
- b) Ánh sáng giúp con người khoẻ mạnh.
- c) Ánh sáng giúp cho thực vật xanh tốt, nhờ đó con người có được thức ăn từ thực vật.
- d) Tất cả những ý trên.

1.2. Động vật cần ánh sáng vì :

- a) Ánh sáng giúp động vật nhìn rõ mọi vật.
- b) Ánh sáng giúp động vật khoẻ mạnh.
- c) Ánh sáng giúp cho thực vật xanh tốt, nhờ đó động vật có được thức ăn từ thực vật.
- d) Tất cả những ý trên.

2. Ghi chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Con người có thể làm ra ánh sáng nhân tạo nên không cần ánh sáng mặt trời.
- ☐ Nhờ có ánh sáng mặt trời mà thực vật xanh tốt, người và động vật khoẻ mạnh.
- ☐ Chỉ có những động vật kiếm ăn vào ban ngày mới cần ánh sáng mặt trời.

3. Nối tên các con vật với thời gian kiếm ăn của chúng.

Tên con vật

Thời gian kiếm ăn

Tên con vật

Sư tử

Hươu

Gà

Ban ngày

Chó sói

Chuột

Nai

Trâu, bò

Ban đêm

Mèo

Cú

Vịt

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trong chăn nuôi người ta làm gì để kích thích cho gà ăn nhiều, chóng tăng cân và đẻ nhiều trứng ?

- a) Tăng nhiệt độ.
- b) Tăng thời gian chiếu sáng.
- c) Tăng khí ô-xi.

Bài 49. ÁNH SÁNG VÀ VIỆC BẢO VỆ ĐÔI MẮT

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Đọc sách dưới ánh sáng quá mạnh thì sẽ làm hại mắt, còn ánh sáng yếu thì chỉ nhìn không rõ chứ không có hại cho mắt.
- ☐ Đọc sách dưới ánh sáng càng mạnh càng tốt.
- ☐ Đọc sách dưới ánh sáng quá mạnh hay quá yếu thì cũng đều có hại cho mắt.

2. Viết chữ N vào ☐ trước những việc nên làm, chữ K vào ☐ trước những việc không nên làm để tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt.

- ☐ Nhìn trực tiếp vào Mặt Trời.
- ☐ Không nhìn trực tiếp vào ánh lửa hàn.
- ☐ Đội mũ rộng vành hoặc che ô, đeo kính râm khi đi ra ngoài trời nắng.
- ☐ Nhìn trực tiếp vào đèn pha xe máy đang bật sáng.

3. Viết ba việc em nên làm để tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt khi đọc sách, xem ti vi.

—

—

—

Bài 50 - 51.

NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ

1. Ngâm một bình sữa đã lạnh vào cốc nước nóng.

a) Sử dụng các từ : *cốc nước nóng* ; *bình sữa* để điền vào chỗ ... trong các câu sau cho thích hợp :

- Vật nóng hơn là :
- Vật lạnh hơn là :
- Vật có nhiệt độ thấp hơn là :
- Vật có nhiệt độ cao hơn là :

b) Đánh dấu × vào ☐ trước những kết luận đúng.

- ☐ Sau đó, cốc nước sẽ lạnh đi.
- ☐ Sau đó, bình sữa sẽ nóng lên.
- ☐ Sau đó, nhiệt độ bình sữa tăng lên.
- ☐ Nếu ngâm lâu, bình sữa sẽ nóng hơn cốc nước.
- ☐ Cốc nước sẽ thu nhiệt còn bình sữa toả nhiệt.
- ☐ Cốc nước sẽ toả nhiệt còn bình sữa thu nhiệt.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

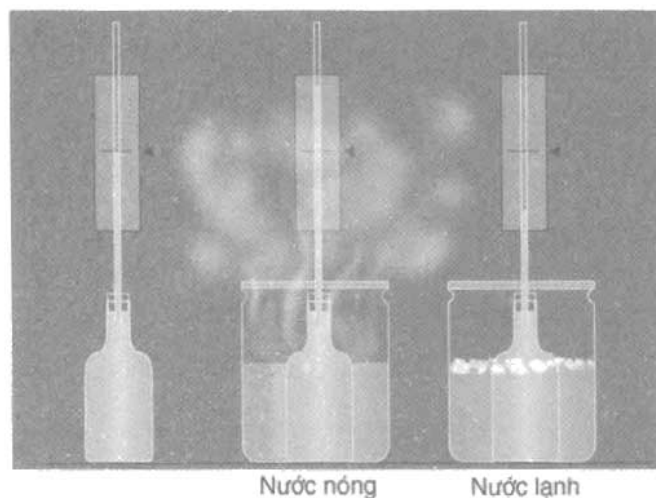
2.1. Nhiệt độ nào sau đây có thể là nhiệt độ của một ngày trời nóng ?

- | | |
|----------|----------|
| a) 10°C | b) 38°C |
| c) 100°C | d) 300°C |

2.2. Chạm tay vào một vật lấy từ tủ lạnh ra, tay ta thấy mát lạnh. Đó là vì :

- a) Nhiệt lạnh từ vật đã truyền vào tay ta làm ta thấy lạnh.
- b) Có sự truyền nhiệt từ tay ta sang vật nên tay ta cảm thấy lạnh.
- c) Nhiệt lạnh từ vật truyền tới tay ta làm mất bớt nhiệt nóng ở tay ta, vì vậy ta thấy lạnh.
- d) Nhiệt lạnh từ vật đã truyền vào tay ta đồng thời nhiệt nóng từ tay ta truyền tới vật, vì vậy tay ta thấy lạnh.

2.3. Thí nghiệm được mô tả trong hình dưới đây cho ta biết :



- a) Nước bay hơi.
- b) Nước có thể thấm qua một số vật.
- c) Nước nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.

3. Tại sao khi đun nước ta không nên đổ đầy nước vào ấm ?

Bài 52. VẬT DẪN NHIỆT VÀ VẬT CÁCH NHIỆT

1. Khoanh vào chữ cái trước câu đúng.

Tâm muốn pha một cốc sữa nóng, Tâm nên dùng bộ cốc và thìa quấy nào sau đây để có sữa còn nóng nhất ?

- a) Cốc thủy tinh và thìa đồng.
- b) Cốc nhựa và thìa nhựa.
- c) Cốc thép và thìa thép.
- d) Cốc thép và thìa nhựa.

2. a) Tại sao mặc nhiều áo mỏng lại ấm hơn một áo dày (có độ dày bằng tổng độ dày của các áo mỏng) ?

.....

.....

.....

.....

b) Vì sao nên tránh các hành động làm chân bông mau bị xẹp, giảm xốp (chẳng hạn như giẫm lên chăn, ...) ?

.....

.....

.....

3. Để tìm hiểu xem thìa bằng nhựa hay thìa bằng nhôm dẫn nhiệt tốt hơn, Nam làm thí nghiệm như sau : *Đặt thìa bằng nhôm vào cốc nước nóng, sau đó một lúc thì bỏ tiếp thìa bằng nhựa vào cốc. Sau một thời gian, Nam sờ tay vào các cán thìa để xem thìa nào nóng hơn, từ đó rút ra kết luận về vật nào dẫn nhiệt tốt hơn. Cách làm thí nghiệm này có hợp lí không ? Nếu không thì không hợp lí ở đâu ?*

.....

.....

.....

.....

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Vì sao khi trời rét, đặt tay vào một vật bằng đồng ta thấy lạnh hơn so với đặt tay vào vật bằng gỗ ?

- a)** Vật bằng đồng có nhiệt độ thấp hơn vật bằng gỗ.
- b)** Đồng toả nhiệt lạnh cho tay nhiều hơn gỗ.
- c)** Đồng dẫn nhiệt tốt hơn gỗ nên nhiệt từ tay ta truyền cho đồng nhiều hơn truyền cho gỗ. Vì vậy, tay ta có cảm giác lạnh hơn khi chạm vào vật bằng đồng.
- d)** Đồng có chất lạnh, gỗ không có chất lạnh nên chạm tay vào vật bằng đồng khi trời rét ta có cảm giác lạnh hơn.

Bài 53.

CÁC NGUỒN NHIỆT

1. Viết chữ N vào ☐ trước những việc nên làm và chữ K vào ☐ trước những việc không nên làm để phòng tai nạn khi đun nấu ở nhà.

☐ Tắt bếp khi sử dụng xong.

☐ Để bình xăng gần bếp.

☐ Tranh thủ đi ra ngoài làm việc khác trong khi đang đun nấu.

☐ Để trẻ em chơi đùa gần bếp.

2. Viết ba việc bạn có thể làm để thực hiện tiết kiệm khi sử dụng các nguồn nhiệt trong sinh hoạt.

.....
.....
.....
.....

3. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

☐ Khi được đun nấu nhiệt độ của thức ăn sẽ tăng lên.

☐ Khi dùng nguồn nhiệt để sấy khô các vật, nước trong các vật bay hơi nhanh hơn làm cho vật mau khô hơn.

☐ Các nguồn nhiệt như than, dầu là vô tận, chúng ta có thể sử dụng thoải mái mà không cần phải tiết kiệm.

☐ Bàn là (bàn ủi) ngay sau khi rút điện vẫn có thể dùng để là (ủi) thêm quần áo.

☐ Nên sử dụng điện để đun nấu vì các bếp điện thường tiêu thụ ít điện.

☐ Mặt Trời là nguồn nhiệt quan trọng đối với cuộc sống con người.

4. Viết hai ví dụ về vật vừa là nguồn sáng vừa là nguồn nhiệt.

—
—

Bài 54.

NHIỆT CẦN CHO SỰ SỐNG

1. Quan sát các hình 1, 2, 3, 4 trang 108 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Tên cây hoặc con vật	Sống ở xứ lạnh hay xứ nóng
1	Lạc đà
2	Gấu trắng
3	Thông
4	Xương rồng

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Điều gì sẽ xảy ra nếu Trái Đất không được Mặt Trời sưởi ấm ?

a) Gió sẽ ngừng thổi.

b) Trái Đất sẽ trở nên lạnh giá.

c) Nước trên Trái Đất sẽ ngừng chảy và đóng băng, sẽ không có mưa.

d) Trái Đất sẽ trở thành một hành tinh chết, không có sự sống.

e) Tất cả những ý trên.

3. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

B

1. Tưới cây, che giàn

a. Chống rét cho cây

2. Cho uống nhiều nước, chuồng trại thoáng mát

b. Chống rét cho động vật

3. Ủ ấm cho gốc cây bằng rơm rạ

c. Chống nóng cho cây

4. Cho ăn nhiều chất bột, chuồng trại kín gió...

d. Chống nóng cho động vật

Bài 55 - 56.

**ÔN TẬP :
VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG**

1. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A	B
Hiện tượng / Ứng dụng	Tính chất của nước
1. Làm mái nhà dốc	a. Không có hình dạng nhất định
2. Pha nước muối	b. Có thể chảy lan ra mọi phía
3. Nước bị đổ chảy lênh láng ra sân nhà	c. Có thể thấm qua một số vật
4. Quần áo bị ướt	d. Có thể hoà tan một số chất
5. Áo đi mưa	e. Chảy từ cao xuống thấp
	g. Không thấm qua một số vật

2. Tìm hiểu một nguồn nước nơi bạn ở. Viết ba việc bạn có thể làm để bảo vệ nguồn nước.

-
-
-

3. Viết *không* hoặc *có* vào cột tương ứng trong bảng dưới đây cho phù hợp với tính chất của nước ở các thể khác nhau.

	Nước ở thể lỏng	Nước ở thể khí	Nước ở thể rắn
Có mùi không ?
Có vị không ?
Có nhìn thấy bằng mắt thường không ?
Có hình dạng nhất định không ?

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Thành phần trong không khí quan trọng nhất đối với hoạt động hô hấp của con người là :

- a) Khí ô-xi.
- b) Khí các-bô-níc.
- c) Hơi nước.
- d) Khí ni-tơ.

5. Nêu ba việc bạn có thể làm để bảo vệ bầu không khí :

-
-
-

6. Một chiếc đồng hồ đang đổ chuông được cho vào một túi ni lông rồi buộc kín lại. Bạn có nghe thấy tiếng kêu nữa không ? Hãy giải thích vì sao bạn lại nghĩ như vậy.

-
-
-

7. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ ở cột B cho phù hợp.

A

B

1. Người khỏe mạnh

a. 100°C

2. Người ốm bị sốt

b. 39°C

3. Nhiệt độ trong phòng vào một ngày mát

c. 0°C

4. Nước đang sôi

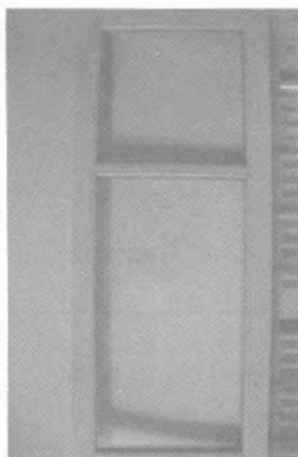
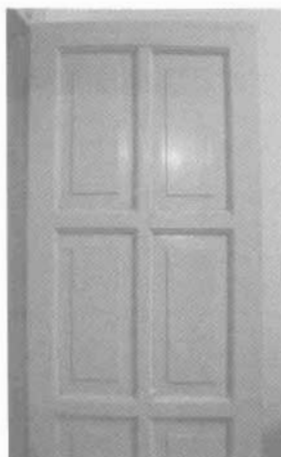
d. 1000°C

5. Nước đá đang tan

e. 20°C

g. 37°C

8. Hãy quan sát các cánh cửa : cửa gỗ đặc, cửa kính, cửa chớp (hình vẽ) ; hãy nêu bốn nhận xét của em về đặc điểm và tác dụng của mỗi loại cánh cửa này.



Bài 58. NHU CẦU NƯỚC CỦA THỰC VẬT

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Nước là một trong những thành phần chính cấu tạo nên cơ thể thực vật.
- ☐ Nước có thể thay thế các chất khoáng mà thực vật cần.
- ☐ Nhờ có nước mà rễ cây hấp thụ được các chất khoáng hoà tan trong đất.
- ☐ Nhờ có nước mà cây cối có thể chống được sâu bệnh.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Cây lúa cần ít nước vào giai đoạn nào ?

- a) Mới cấy.
- b) Để nhánh.
- c) Làm đồng.
- d) Chín.

2.2. Cây ăn quả cần được tưới nước đầy đủ vào giai đoạn nào ?

- a) Cây non.
- b) Quả chín.

Bài 59. NHU CẦU CHẤT KHOÁNG CỦA THỰC VẬT

1. Quan sát hình 1 trang 118 SGK và hoàn thành bảng dưới đây theo yêu cầu sau :

a) Đánh dấu + vào cột ứng với các chất khoáng mà cây được bón ; đánh dấu – vào cột ứng với chất khoáng mà cây thiếu.

b) Viết nhận xét kết quả phát triển của từng cây vào cột phù hợp.

Hình	Chất khoáng			Nhận xét kết quả
	Ni-tơ (đạm)	Ka-li	Phốt-pho (lân)	
1a			
1b			
1c			
1d			

2. Đánh dấu x vào cột tương ứng với nhu cầu về các chất khoáng của từng loài cây.

Tên cây	Tên các chất khoáng mà cây cần nhiều hơn		
	Ni-tơ	Ka-li	Phốt-pho
Lúa			
Ngô (Bắp)			
Khoai lang			
Cà chua			
Đay			
Cà rốt			
Rau muống			
Cải củ			

Bài 60. NHU CẦU KHÔNG KHÍ CỦA THỰC VẬT

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Trong quá trình quang hợp, thực vật hấp thụ khí nào ?

- a) Khí ô-xi.
- b) Khí ni-tơ.
- c) Khí các-bô-níc.
- d) Cả ba loại khí trên.

1.2. Trong quá trình quang hợp, thực vật thải ra khí nào ?

- a) Khí ô-xi.
- b) Khí ni-tơ.
- c) Khí các-bô-níc.
- d) Cả ba loại khí trên.

1.3. Trong quá trình hô hấp, thực vật hấp thụ khí nào ?

- a) Khí ô-xi.
- b) Khí ni-tơ.
- c) Khí các-bô-níc.
- d) Cả ba loại khí trên.

1.4. Trong quá trình hô hấp, thực vật thải ra khí nào ?

- a) Khí ô-xi.
- b) Khí ni-tơ.
- c) Khí các-bô-níc.
- d) Cả ba loại khí trên.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Thực vật lấy khí các-bô-níc và thải ô-xi trong quá trình quang hợp.
- ☐ Thực vật cần ô-xi để thực hiện quá trình hô hấp.
- ☐ Hô hấp ở thực vật chỉ xảy ra vào ban ngày.

Bài 61. TRAO ĐỔI CHẤT Ở THỰC VẬT

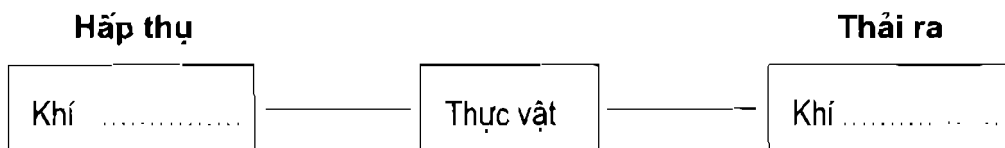
1. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

ô-xi, nước, chất khoáng, các chất khoáng khác, hơi nước, khí các-bô-níc, trao đổi thức ăn

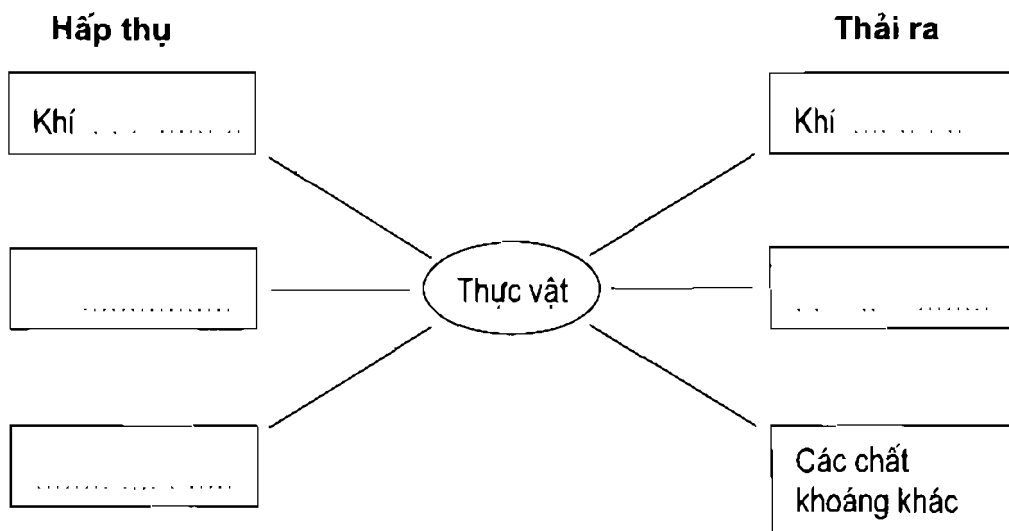
– Trong quá trình sống, thực vật hấp thụ
và Đồng thời thải ra
và Quá trình đó được gọi là sự trao đổi thức ăn ở thực vật.

Trong quá trình sống, thực vật còn cần phải hô hấp. Khi hô hấp, thực vật hấp thụ và thải ra

2. Đánh mũi tên và điền tên các khí vào chỗ ... trong sơ đồ trao đổi khí của thực vật dưới đây cho phù hợp.



3. Đánh mũi tên và điền tên các chất còn thiếu vào chỗ ... để hoàn thành sơ đồ trao đổi thức ăn ở thực vật.



Bài 62. ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG ?

1. Quan sát các hình trang 124, 125 SGK để hoàn thành bảng sau :

Chuột sống ở hộp	Điều kiện được cung cấp	Điều kiện thiếu	Dự đoán kết quả
1	Ánh sáng, nước, không khí	Thức ăn
2	Ánh sáng, không khí, thức ăn	Nước
3	Ánh sáng, nước, không khí, thức ăn	
4	Ánh sáng, nước, thức ăn	Không khí
5	Nước, không khí, thức ăn	Ánh sáng

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Động vật cần gì để sống ?

- a) Ánh sáng.
- b) Không khí.
- c) Nước.
- d) Thức ăn.
- e) Tất cả những yếu tố trên.

Bài 63. ĐỘNG VẬT ĂN GÌ ĐỂ SỐNG ?

1. Nối tên các con vật với thức ăn mà chúng sử dụng.

Tên con vật	Thức ăn	Tên con vật
Bò	Thức vật (cỏ, lá cây, quả,...)	Sóc
Hổ (Cọp)		Trăn
Hươu cao cổ	Động vật khác	Cá mập
Chim gõ kiến	Cả thức vật và động vật (ăn tạp)	Hươu sao
Gà		

2. Điền ba đến năm tên con vật vào chỗ ... trong bảng sau cho phù hợp.
(Lưu ý : không viết tên những con vật đã có trong bài).

Nhóm động vật ăn động vật khác	Nhóm động vật ăn thức vật	Nhóm động vật ăn tạp

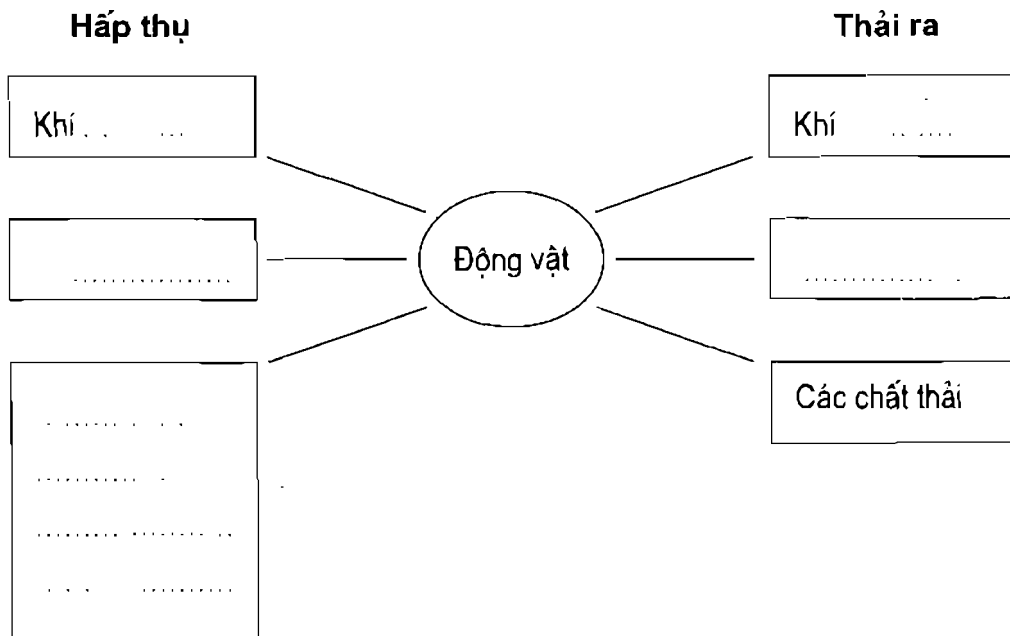
Bài 64. TRAO ĐỔI CHẤT Ở ĐỘNG VẬT

1. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ cho phù hợp.

môi trường, ô-xi, nước, thức ăn, nước tiểu, chất cặn bã, khí các-bô-níc, trao đổi chất

Động vật thường xuyên phải lấy từ môi trường
 và thải ra
 Quá trình đó được gọi là quá trình giữa động vật và

2. Đánh mũi tên và điền tên các chất còn thiếu vào chỗ ... để hoàn thành sơ đồ trao đổi chất ở động vật.



Bài 65. QUAN HỆ THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

"Thức ăn" của cây ngô ở hình 1 trang 130 SGK là gì ?

- a) Khí các-bô-níc.
- b) Chất khoáng.
- c) Nước.
- d) Nước, khí các-bô-níc, chất khoáng.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Sinh vật nào có khả năng sử dụng năng lượng của ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất hữu cơ (như chất bột đường) từ những chất vô cơ (như nước và khí các-bô-níc) ?

- a) Con người.
- b) Động vật.
- c) Thực vật.

2.2. Thức ăn của châu chấu ở hình 3 trang 131 SGK là gì ?

- a) Lá ngô.
- b)Ếch.
- c) Chất khoáng.

2.3. Thức ăn của ếch ở hình 4 trang 131 SGK là gì ?

- a) Lá ngô.
- b) Châu chấu.
- c) Chất khoáng.

3. Đánh mũi tên vào sơ đồ dưới đây để thể hiện sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

Lá ngô _____ Châu chấu _____ Ếch

Bài 66. CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. "Thức ăn" của cỏ trong bãi chăn thả bò ở hình 1 trang 132 SGK là gì ?

- a) Phân bò.
- b) Vi khuẩn.
- c) Chất khoáng (được tạo thành do vi khuẩn phân huỷ phân bò).

1.2. Thức ăn của thỏ ở hình 2 trang 133 SGK là gì ?

- a) Cáo.
- b) Cỏ.
- c) Xác chết đang bị vi khuẩn phân huỷ.

1.3. Thức ăn của cáo ở hình 2 trang 133 SGK là gì ?

- a) Thỏ.
- b) Cỏ.
- c) Xác chết đang bị vi khuẩn phân huỷ.

1.4. "Thức ăn" của cỏ ở hình 2 trang 133 SGK là gì ?

- a) Cáo.
- b) Thỏ.
- c) Chất khoáng được tạo thành do vi khuẩn phân huỷ các xác chết.

2. Dựa vào hình 1 trang 132 SGK để xây dựng sơ đồ (bằng chữ và mũi tên) chỉ ra mối quan hệ qua lại giữa cỏ và bò trong một bãi chăn thả bò.

.....

.....

.....

3. Vẽ mũi tên vào các sơ đồ dưới đây để thể hiện sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

- | | | |
|-------|-----|-----|
| a) Cỏ | Bò | |
| b) Cỏ | Thỏ | Cáo |

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trong tự nhiên, các chuỗi thức ăn thường được bắt đầu từ sinh vật nào ?

- a) Thực vật.
- b) Động vật.
- c) Vi khuẩn.

Bài 67 - 68. ÔN TẬP : THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Trong số những động vật dưới đây, lúa là thức ăn của động vật nào ?

- a) Đại bàng.
- b) Rắn hổ mang.
- c) Gà.

1.2. Trong số những động vật dưới đây, lúa là thức ăn của động vật nào ?

- a) Đại bàng.
- b) Chuột đồng.
- c) Rắn hổ mang.

1.3. Trong số những động vật dưới đây, gà là thức ăn của động vật nào ?

- a) Chuột đồng.
- b) Cú mèo.
- c) Rắn hổ mang.


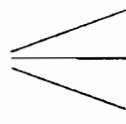
1.4. Trong số những động vật dưới đây, gà là thức ăn của động vật nào ?

- a) Đại bàng.
- b) Chuột đồng.
- c) Cú mèo.

1.5. Trong số những động vật dưới đây, chuột đồng không phải là thức ăn của động vật nào ?

- a)** Đại bàng.
- b)** Cú mèo.
- c)** Gà.
- d)** Rắn hổ mang.

2. Đánh mũi tên vào các sơ đồ dưới đây để thể hiện sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

- a)** Lúa ——— Gà  Đại bàng
Rắn hổ mang
- b)** Lúa ——— Chuột đồng  Đại bàng
Rắn hổ mang
Cú mèo
- c)** Các loài tảo ——— Cá ——— Người
- d)** Cỏ ——— Bò ——— Người

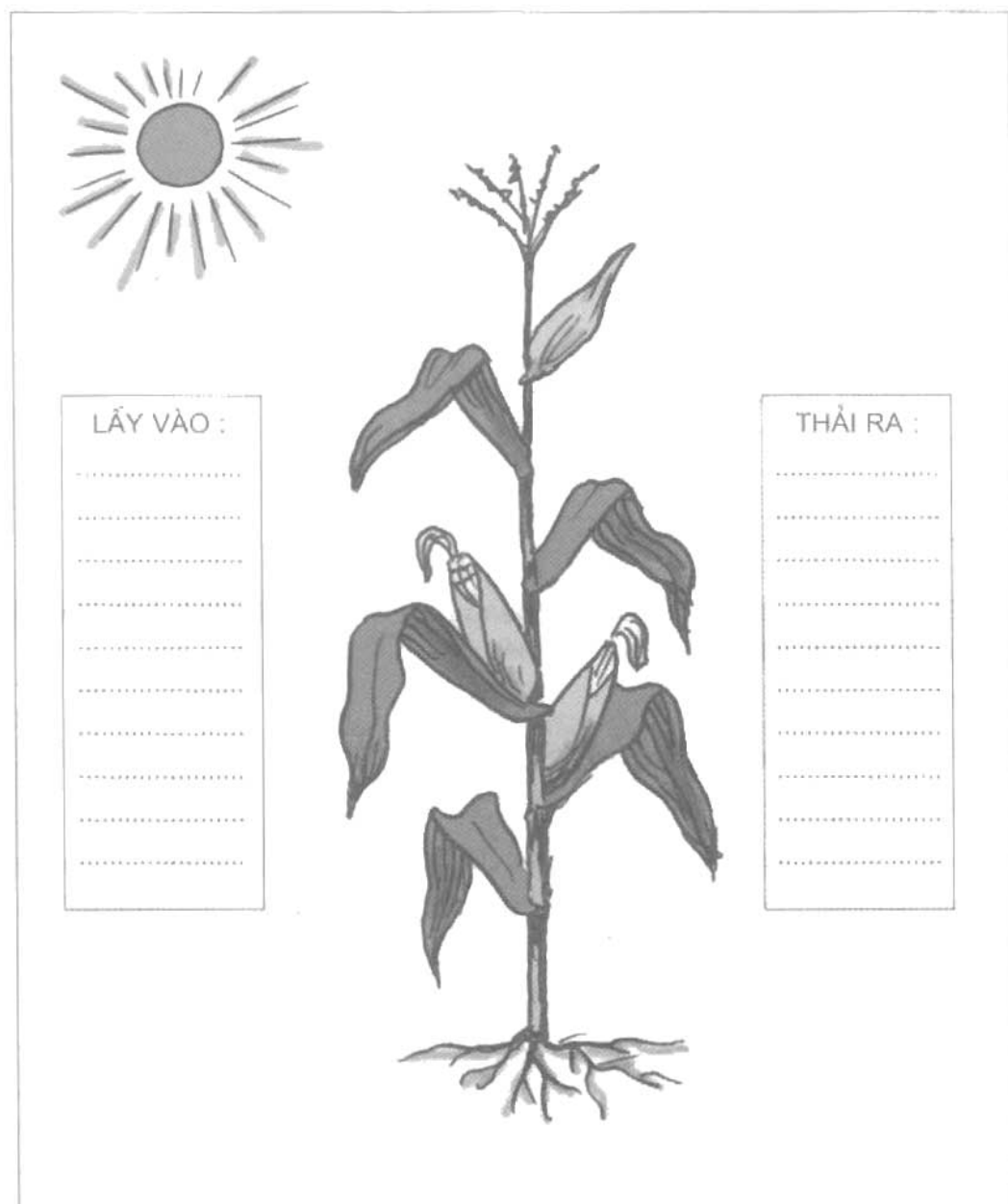
3. Chuỗi thức ăn là gì ?

.....

.....

Bài 69 - 70. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

1. Hoàn thành sơ đồ trao đổi chất của cây với môi trường.



2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Bộ phận nào của cây có chức năng hấp thụ khí các-bô-níc và thải ra khí ô-xi trong quá trình quang hợp đồng thời có chức năng hấp thụ khí ô-xi và thải ra khí các-bô-níc trong quá trình hô hấp ?

- a) Lá.**
- b) Thân.**
- c) Rễ.**

2.2. Bộ phận nào của cây có chức năng hấp thụ nước có trong đất ?

- a) Lá.**
- b) Thân.**
- c) Rễ.**

2.3. Bộ phận nào của cây có chức năng thải ra hơi nước ?

- a) Lá.**
- b) Thân.**
- c) Rễ.**

2.4. Bộ phận nào của cây có chức năng hấp thụ các chất khoáng cần cho cây và thải ra các chất khoáng khác ?

- a) Lá.**
- b) Thân.**
- c) Rễ.**

2.5. Lau khô thành ngoài cốc rồi cho vào cốc mấy cục nước đá. Một lát sau, sờ vào thành ngoài cốc ta thấy ướt. Theo bạn, câu nào dưới đây đúng ?

- a) Nước đá bốc hơi đọng lại ở thành cốc.**
- b) Hơi nước trong không khí ở chỗ thành cốc bị lạnh nên ngưng tụ lại.**
- c) Nước đã thấm từ trong cốc ra ngoài.**

2.6. Úp một cốc thủy tinh lên cây nến đang cháy, cây nến cháy yếu dần rồi tắt hẳn. Hãy chọn lời giải thích mà bạn thấy đúng.

- a) Khi úp cốc lên, không khí trong cốc bị hết nên nến tắt.
 - b) Khi nến cháy, khí ô-xi bị mất đi, khi ta úp cốc không có thêm không khí để cung cấp khí ô-xi nên nến tắt.
 - c) Khi nến cháy, khí cac-bô-níc bị mất đi, khi ta úp cốc không có thêm không khí để cung cấp khí cac-bô-níc nên nến tắt.
3. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp (một từ có thể được điền ở nhiều chỗ).

thực vật, chuỗi thức ăn, vô sinh, hữu sinh, thức ăn

Những mối quan hệ về trong tự nhiên được gọi là Trong tự nhiên có rất nhiều các thường bắt đầu từ thông qua các chất và liên hệ mật thiết với nhau tạo thành một chuỗi khép kín.

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUỲ THAO

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THANH HUYỀN – VŨ VĂN DƯƠNG

Biên tập tái bản :

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Biên tập kĩ thuật :

BÙI NGỌC LAN

Trình bày bìa :

HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Chế bản :

CÔNG TY CP MỸ THUẬT SAO MAI

VỞ BÀI TẬP KHOA HỌC 4

Mã số : 1B414T1

In 160.000 bản (QĐ 07BT/KH11), khổ 17 x 24cm. In tại Công ty CP in Hà Nội

Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Số in : GK- 33. Số xuất bản: 01-2011/CXB/714-1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2011



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

VỞ BÀI TẬP DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 4

1. Vở bài tập Tiếng Việt 4 (tập một, tập hai)
2. Vở bài tập Toán 4 (tập một, tập hai)
3. Vở bài tập Khoa học 4
4. Vở bài tập Lịch sử 4
5. Vở bài tập Địa lí 4
6. Vở bài tập Đạo đức 4
7. Vở Tập vẽ 4
8. Thực hành Kỹ thuật 4
9. Let's Learn English - Book 2 - Workbook

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam :

- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn . 23 Tràng Tiền ;
25 Hàn Thuyên . 32E Kim Mã ; 14/3 Nguyễn Khánh Toàn .
- Tại TP. Đà Nẵng : 247 Hải Phòng ; 78 Pasteur.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1 ;
231 Nguyễn Văn Cừ và 240 Trần Bình Trọng, Quận 5 ;
2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1.
- Tại TP. Cần Thơ : 162D đường 3 tháng 2, Quận Ninh Kiều.
- Tại Website bán hàng trực tuyến : www.sach24.vn

Website : www.nxbgd.vn



8 934994 022439



Giá : 6.200đ